



Xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đến nửa đầu 2017

*Tô Xuân Phúc
Trần Lê Huy
Cao Thị Cẩm
Nguyễn Tôn Quyền
Huỳnh Văn Hạnh*



Tháng 10 năm 2017

Lời cảm ơn

Báo cáo là sản phẩm hợp tác của nhóm nghiên cứu do Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) và Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA). Báo cáo được hoàn thành với sự hỗ trợ của Tổ chức Hợp tác Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) và Cơ quan Phát triển của Chính phủ Na Uy (NORAD) thông qua Tổ chức Forest Trends. Các con số thống kê được sử dụng trong Báo cáo được thu thập từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan và được tổng hợp bởi nhóm nghiên cứu. Các kết quả chính của Báo cáo được trình bày trong Hội thảo Quốc gia do Forest Trends, VIFORES, FPA Bình Định và HAWA tổ chức tại Hà Nội ngày 5 tháng 10 năm 2017. Xin trân thành cảm ơn các ý kiến đóng góp của các đại biểu tham gia Hội thảo. Các nhận định trong Báo cáo là của các tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của các tổ chức nơi các tác giả đang làm việc.

Mục lục

Lời cảm ơn.....	1
1. Bối cảnh	3
2. Tổng quan về tình hình xuất nhập khẩu.....	4
3. Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đến hết tháng 6 năm 2017.....	4
4. Việt Nam nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ 2015 đến hết tháng 6 năm 2017	6
5. Các thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam.....	9
5.1. Hoa Kỳ.....	9
5.1.1. Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ.....	10
5.1.2. Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ.....	11
5.2. Trung Quốc	12
5.2.1. Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc	12
5.2.2. Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc	13
5.3. Nhật Bản.....	14
5.3.1. Việt Nam xuất khẩu vào Nhật Bản.....	15
5.3.2. Việt Nam nhập khẩu từ Nhật Bản	16
5.4. EU	16
5.4.1. Việt Nam xuất khẩu vào EU.....	17
5.4.2. Việt Nam nhập khẩu từ EU.....	18
5.5. Hàn Quốc.....	19
5.5.1. Việt Nam xuất khẩu vào Hàn Quốc	19
5.5.2. Việt Nam nhập khẩu từ Hàn Quốc.....	20
6. Các diễn biến mới tại một số nguồn cung nguyên liệu gỗ cho Việt Nam	21
6.1. Nguồn cung từ Lào.....	21
6.2. Nguồn cung từ Campuchia.....	22
6.3. Papua New Guine.....	23
6.4. Nguồn cung từ Châu Phi.....	24
7. Những thay đổi ở một số thị trường xuất khẩu	24
7.1. Hoa Kỳ.....	24
7.2. Nhật Bản.....	25
7.3. Hàn Quốc.....	26
7.4. Trung Quốc.....	26
8. Kết luận.....	26
Tài liệu tham khảo.....	28
Phụ lục	29

1. Bối cảnh

Tháng 5 năm 2017, sau tiến trình đàm phán kéo dài 6 năm, Chính phủ Việt Nam và EU đã chính thức kí tắt Hiệp định Đối tác tự nguyện trong khuôn khổ của Chương trình Thực thi Luật lâm nghiệp, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản do EU khởi xướng (gọi tắt là FLEGT VPA). Thực thi Hiệp định này tại Việt Nam trong tương lai sẽ đảm bảo các sản phẩm gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào EU và các sản phẩm tiêu thụ là hợp pháp. Ký kết FLEGT VPA là sự kiện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có thể tạo ra những thay đổi căn bản cho cả thị trường nội địa và xuất khẩu. Thực thi Hiệp định này cũng có ý nghĩa quan trọng tới các nguồn cung gỗ nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ của Việt Nam, bao gồm cả nguồn gỗ nhập khẩu và nguồn gỗ khai thác trong nước.

Chính phủ Việt Nam thể hiện cam kết nhằm loại bỏ các sản phẩm gỗ có nguồn gốc từ gỗ bất hợp pháp thông qua việc ký kết Hiệp định FLEGT VPA. Các cam kết này diễn ra trong bối cảnh ngành chế biến gỗ của Việt Nam tiếp tục phát triển. Năm 2016 tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt khoảng 6,8 tỉ USD. Trong 6 tháng đầu 2017 kim ngạch xuất khẩu đạt gần 3,7 tỉ USD. Nếu duy trì được đà tăng trưởng như hiện nay, kim ngạch xuất khẩu trong năm 2017 có thể đạt con số trên 7 tỉ USD. Hầu hết tăng trưởng thể hiện mạnh mẽ tại những thị trường tiêu thụ truyền thống, là những thị trường xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc. Tuy nhiên, đã có một số tín hiệu cho thấy các thị trường truyền thống này có thể thay đổi trong tương lai. Các thay đổi này chủ yếu là do các chính sách vĩ mô có liên quan tới các ưu tiên, định hướng phát triển và các cơ chế, chính sách mới nhằm kiểm soát chặt chẽ về tính hợp pháp của các mặt hàng gỗ nhập khẩu vào các quốc gia này.

Gỗ nguyên liệu nhập khẩu, bao gồm gỗ tròn và xẻ là nhóm mặt hàng chủ đạo trong cơ cấu gỗ nhập khẩu vào Việt Nam. Gỗ nhập khẩu có vai trò to lớn, trực tiếp góp phần giúp ngành chế biến gỗ liên tục mở rộng và tăng trưởng. Hàng năm, Việt Nam nhập khẩu khoảng 4-5 triệu m³ gỗ nguyên liệu quy tròn, với kim ngạch nhập khẩu trên 1 tỉ USD. Trong 6 tháng đầu 2017, tổng kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam lên tới gần 760 triệu USD. Nguồn cung gỗ nguyên liệu đa dạng, cả về số lượng loài gỗ nhập khẩu và các quốc gia cung gỗ. Nguồn cung nhập khẩu bao gồm 2 nhóm chính. Nhóm thứ nhất bao gồm các loài gỗ tự nhiên có nguồn gốc từ các quốc gia nhiệt đới như từ các nước thuộc Tiểu vùng sông Mê Kông và các nước Châu Phi. Gỗ nhập khẩu từ nguồn này thường được có độ rủi ro cao về tính pháp lý. Đây cũng là nguồn cung không ổn định, nguyên nhân chính là do các thay đổi chính sách về khai thác và xuất khẩu gỗ nguyên liệu tại các quốc gia này. Nhóm thứ hai bao gồm các loại gỗ nhập khẩu từ các quốc gia như Hoa Kỳ, một số quốc gia khu vực châu Mỹ La Tinh và EU. Gỗ nhập khẩu từ nguồn này thường có độ rủi ro về tính pháp lý thấp. Cung gỗ từ nguồn này cũng có tính ổn định rất cao. Lượng nhập khẩu của hai nhóm vào Việt Nam gần tương đương.

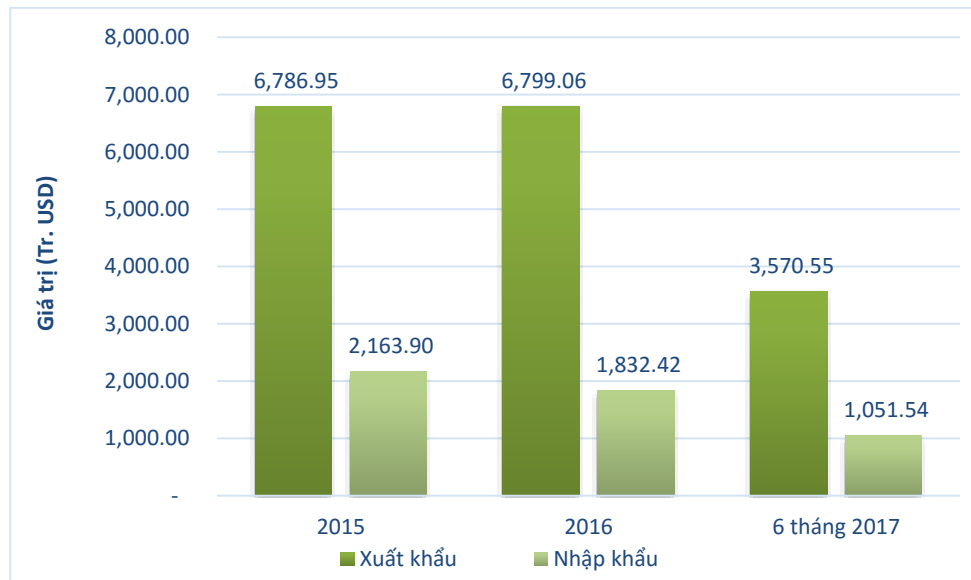
Mở rộng và phát triển của ngành gỗ hiện nay đang phải đối mặt với một số khó khăn, trong đó đặc biệt phải kể đến cạnh tranh về nguồn gỗ nguyên liệu. Cạnh tranh thể hiện cả về nguồn cung nguyên liệu nhập khẩu và nguồn cung từ nguồn trong nước. Chính sách cấm khai thác gỗ rừng tự nhiên của chính phủ Trung Quốc cộng với chính sách siết chặt việc khai thác, thương mại và xuất khẩu gỗ nguyên liệu tại một số quốc gia có nguồn gỗ rừng tự nhiên từ các khu vực rừng nhiệt đới làm gia tăng cạnh tranh về cung gỗ nguyên liệu toàn cầu, trong đó bao gồm một số công ty nhập khẩu của Việt Nam. Cạnh tranh về nguồn cung nguyên liệu trong nước đặc biệt gay gắt đối với gỗ rừng trồng và gỗ cao su, giữa các công ty chế biến đồ gỗ với công ty chế biến dăm gỗ, giữa công ty trong nước với công ty nước ngoài, điển hình là các công ty của Trung Quốc.

Phần 2 dưới đây sẽ đi vào một số nét tổng quan về tình hình xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đến hết tháng 6 năm 2017.

2. Tổng quan về tình hình xuất nhập khẩu

Năm 2016 xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (G&SPG) của Việt Nam đạt gần 6,8 tỉ USD. Biểu đồ 1 chỉ ra giá trị xuất nhập khẩu (XNK) G&SPG của Việt Nam từ năm 2015 đến hết tháng 6 năm 2017.

Biểu đồ 1. Kim ngạch xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Nhìn chung tình hình XNK trong 6 tháng đầu 2017 không có biến động lớn so với năm 2016. Tuy nhiên trong tương lai có thể có sự thay đổi tại một số thị trường xuất khẩu tại Châu Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc) do chính sách kiểm soát nguồn gỗ nguyên liệu tại các quốc gia này có thể có hiệu lực (xem phần 5 của Báo cáo).

Nguồn cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam có thể có những biến động trong thời gian tới. Nguyên nhân bởi tăng cầu gỗ nguyên liệu tại Trung Quốc khi lệnh cấm khai thác gỗ từ rừng tự nhiên tại quốc gia này bắt đầu có hiệu lực vào đầu 2017. Biến động nguồn cung gỗ cho Việt Nam còn do các quốc gia cung gỗ rừng tự nhiên từ khu vực nhiệt đới cho Việt Nam siết chặt kiểm soát việc khai thác, thương mại và xuất khẩu.

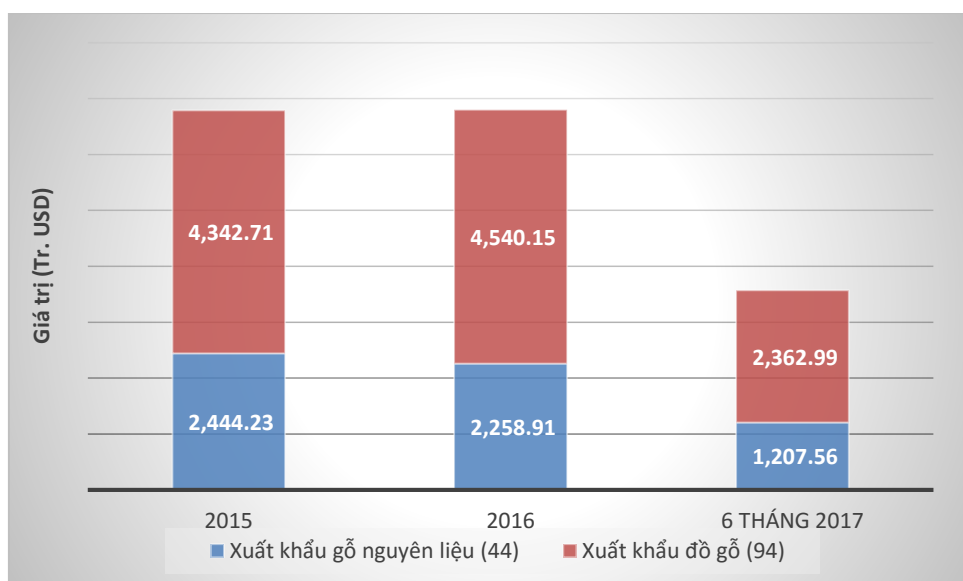
Chính sách vĩ mô về cung – cầu G&SPG tại các quốc gia có mối quan hệ thương mại gỗ với Việt Nam không chỉ tác động đến nguồn cung gỗ cho Việt Nam, mà còn tác động trực tiếp đến nguồn cung gỗ nguyên liệu của Việt Nam, đặc biệt là cung gỗ keo rừng trồng và cao su (xem phần 6 của Báo cáo).

3. Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đến hết tháng 6 năm 2017

Năm 2016 tổng kim ngạch xuất khẩu G & SPG của Việt Nam đạt gần 6,8 tỉ USD. Với con số này, G & SPG của Việt Nam nằm trong nhóm các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất trong cả nước. Kim ngạch năm 2016 tăng 0,2% so với kim ngạch năm 2015 (6,787 tỉ USD)

Kim ngạch xuất khẩu G & SPG trong 6 tháng đầu năm 2017 đạt 3,57 tỉ USD, tăng 13,6% so với con số 3,14 tỉ USD của cùng kỳ năm 2016. Biểu đồ 2 chỉ ra kim ngạch xuất khẩu tính đến hết 6 tháng năm 2017.

Biểu đồ 2. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam đến hết 6 tháng 2017



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Gỗ nguyên liệu (gọi tắt là gỗ, mã hàng hóa HS 44) và sản phẩm gỗ (hay đồ gỗ, mã HS 94) là 2 nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

Năm 2016, giá trị kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam đạt 2,26 tỉ USD, giảm 7,6% so với kim ngạch xuất khẩu nhóm mặt hàng này năm 2015 (2,44 tỉ USD).

Trong 6 tháng đầu 2017, kim ngạch xuất khẩu gỗ nguyên liệu đạt 1,2 tỉ USD, tăng 12,8% so với kim ngạch 6 tháng đầu 2016 (1,07 tỉ USD).

Năm 2016 kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam đạt 4,54 tỉ USD, tăng 4,5% so với con số 4,34 tỉ USD năm 2015. Trong 6 tháng đầu 2017, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thuộc nhóm này đạt 2,36 tỉ USD, tăng 14% so với kim ngạch cùng kỳ năm 2016 (2,07 tỉ USD).

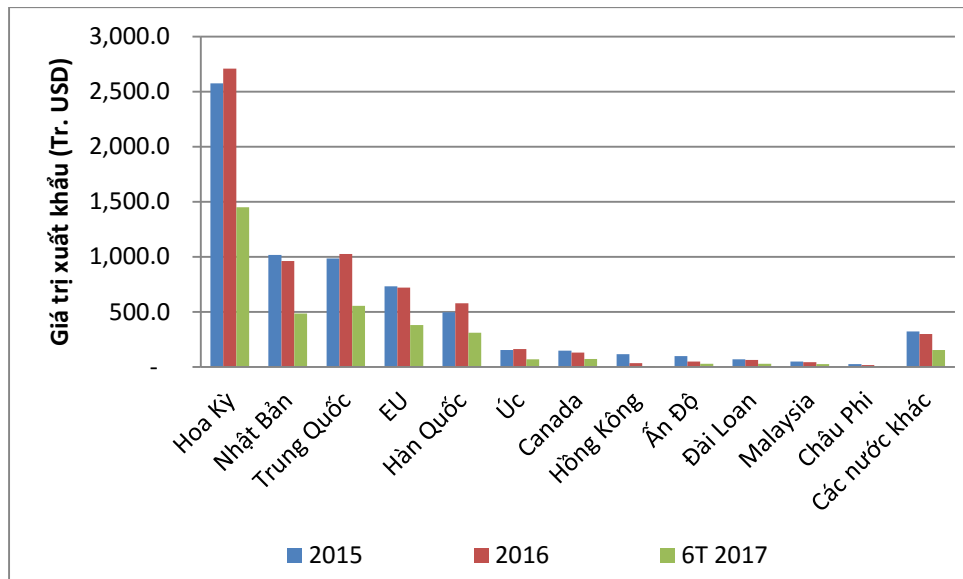
Từ 2015 đến nay kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ tăng trưởng ổn định, ngược với xu hướng của các mặt hàng nhóm gỗ nguyên liệu. Điều này là do nhóm mặt hàng gỗ nguyên liệu thường có nguồn cung không ổn định, bao gồm cả một số loài gỗ quý, được xuất khẩu chủ yếu vào Trung Quốc nơi có cầu về loại gỗ này không ổn định. Ngược lại, nhóm các mặt hàng đồ gỗ có nguồn cung và cầu ổn định, được xuất khẩu chủ yếu vào các thị trường có độ ổn định cao như Hoa Kỳ, EU hay Úc. Giá trị xuất khẩu G & SPG của Việt Nam từ 5 thị trường chính được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Giá trị kim ngạch xuất khẩu G & SPG của Việt Nam từ 5 thị trường chính

Thị trường	Kim ngạch năm 2016 (triệu USD)	Tỉ trọng trong tổng kim ngạch 2016 (%)	Kim ngạch 6 tháng đầu 2017 (triệu USD)	Tỉ trọng trong tổng kim ngạch 6 tháng đầu 2017 (%)
Hoa Kỳ	2.710	40	1.450	40,7
Trung Quốc	1.000	15,09	554	15,5
Nhật Bản	961,4	14,14	484,8	13,6
Các nước EU	720,56	10,6	379,9	10,6
Hàn Quốc	579,4	8,52	310,8	8,7

Biểu đồ 3 chỉ ra sự thay đổi kim ngạch xuất khẩu G&SPG của Việt Nam từ 2015. Phụ lục 1 và 2 chỉ ra kim ngạch của 10 thị trường lớn nhất của Việt Nam năm 2016 và 6 tháng 2017.

Biểu đồ 3. Kim ngạch xuất khẩu G&SPG của Việt Nam theo thị trường



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

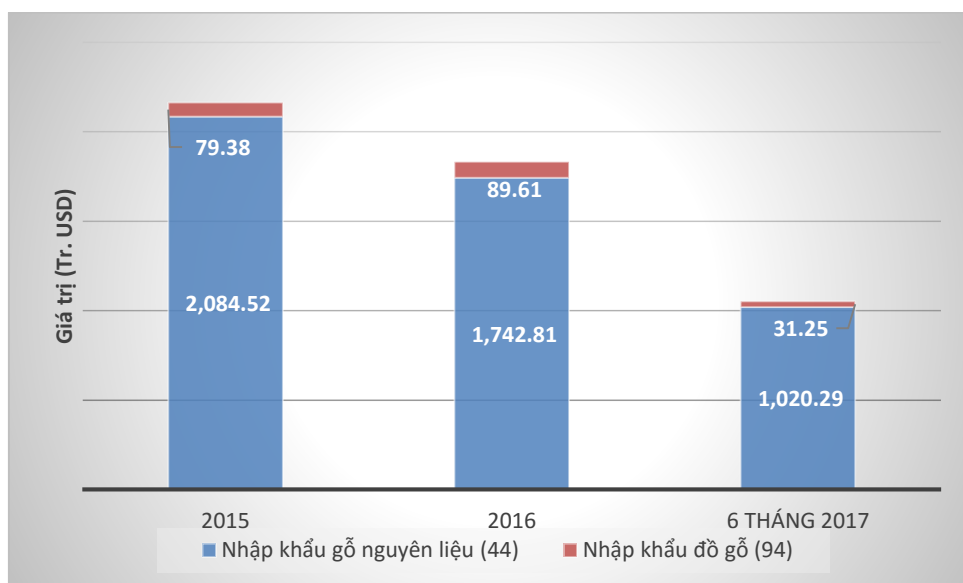
Bảng 2. Các mặt hàng xuất G&SPG của Việt Nam có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao từ 2015

Mặt hàng	2015	2016	6 tháng 2017
Đồ gỗ (trừ ghế)	3,39 tỉ USD	3,54 tỉ USD	1,79 tỉ USD
Ghế ngồi	0,95 tỉ USD	1 tỉ USD	0,57 tỉ USD
Dầm gỗ	1,17 tỉ USD (8,06 triệu tấn khô)	0,99 tỉ USD (7,22 triệu tấn)	0,56 tỉ USD (4,23 triệu tấn)
Gỗ dán	0,214 tỉ USD (0,734 triệu m ³)	0,287 tỉ USD (0,98 triệu m ³)	0,167 tỉ USD (0,544 triệu m ³)
Mộc dân dụng	0,134 tỉ USD (0,122 triệu m ³)	0,21 tỉ USD (0,272 triệu m ³)	0,116 tỉ USD (0,19 triệu m ³)
Viên nén gỗ nhiên liệu	0,143 tỉ USD (1,34 triệu tấn)	0,172 tỉ USD (1,75 triệu tấn)	0,096 tỉ USD (0,92 triệu tấn)
Gỗ xẻ	0,372 tỉ USD (0,44 triệu m ³)	0,23 tỉ USD (0,44 triệu m ³)	0,09 tỉ USD (0,21 triệu m ³)

4. Việt Nam nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ 2015 đến hết tháng 6 năm 2017

Hàng năm Việt Nam nhập khẩu một lượng gỗ nguyên liệu rất lớn, tương đương với 1,7-1,8 tỉ USD về kim ngạch. Giá trị kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu gỗ chiếm trên 90%, còn lại là các mặt hàng đồ gỗ.

Biểu đồ 4. Giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Việt Nam nhập khẩu các mặt hàng thuộc nhóm gỗ nguyên liệu và đồ gỗ, trong đó 90% về giá trị là nhóm gỗ nguyên liệu. Giá trị đồ gỗ nhập khẩu rất thấp, chỉ chiếm 3-5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu. Năm 2016 giá trị kim ngạch gỗ nguyên liệu nhập khẩu đạt 1,74 tỉ USD, giảm 16,4% so kim ngạch năm 2015 (2,08 tỉ USD).

Trong 6 tháng đầu 2017 kim ngạch nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 1,02 tỉ USD, tăng 22,7% so với kim ngạch cùng kỳ năm 2016 (0,83 tỉ USD).

Năm 2015 giá trị kim ngạch nhập khẩu các sản phẩm gỗ đạt 79,38 triệu USD; kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng thuộc nhóm này năm 2016 đạt 89,6 triệu USD; kim ngạch 6 tháng đầu năm 2017 đạt 31,2 triệu USD, giảm 19,3% so với kim ngạch cùng kỳ năm 2016 (38,7 triệu USD).

Bảng 3. Các mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch lớn 6 tháng đầu 2017.

Các mặt hàng	2015	2016	6 tháng đầu 2017
Gỗ xẻ	2,22 triệu m3 (1,15 tỉ USD)	1,84 triệu m3 (0,75 tỉ USD)	1,06 triệu m3 (0,428 tỉ USD)
Gỗ tròn	1,69 triệu m3 (0,512 tỉ USD)	1,89 triệu m3 (0,537 tỉ USD)	1,18 triệu m3 (0,331 tỉ USD)
Ván sợi	0,57 triệu m3 (0,164 tỉ USD)	0,59 triệu m3 (0,167 tỉ USD)	0,338 triệu m3 (0,093 tỉ USD)
Gỗ dán	0,29 triệu m3 (0,12 tỉ USD)	0,322 triệu m3 (0,132 tỉ USD)	0,193 triệu m3 (0,083 tỉ USD)
Ván lạng, ván bóc	0,11 triệu m3 (0,078 tỉ USD)	0,13 triệu m3 (0,084 tỉ USD)	0,064 triệu m3 (0,045 tỉ USD)
Ván dăm	0,16 triệu m3 (0,039 tỉ USD)	0,19 triệu m3 (0,04 tỉ USD)	0,1 triệu m3 (0,024 tỉ USD)

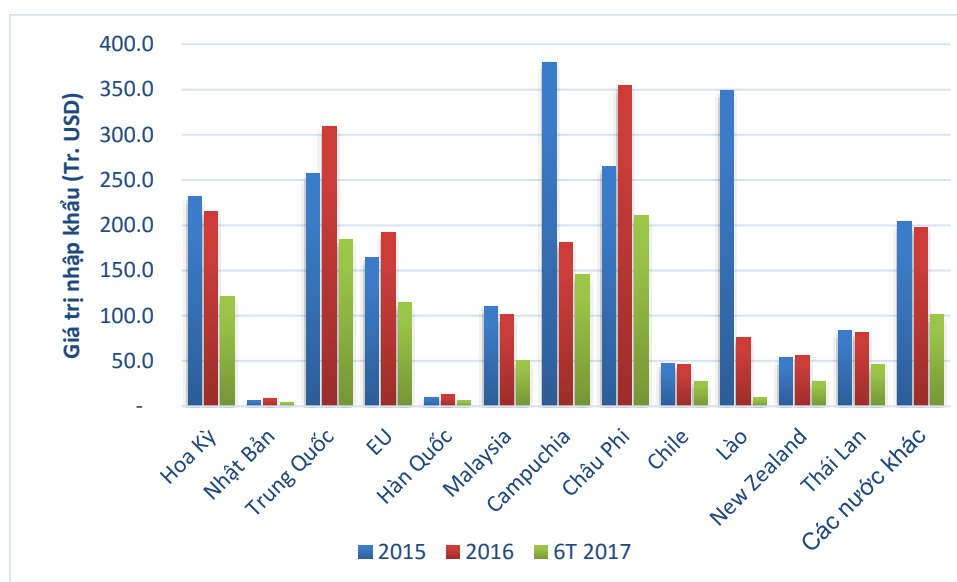
Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Trung Quốc là nước cung cấp gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất cho Việt Nam. Kim ngạch nhập khẩu trong 6 tháng đầu năm 2017 từ nguồn này đạt 184 triệu USD, chiếm 17,5 % trong tổng giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Các thị trường khác có kim ngạch nhập khẩu lớn trong 6 tháng năm 2017 bao gồm:

- Cam pu chia: 145,6 triệu USD; chiếm 13,8%;
- Hoa Kỳ: 121,7 triệu USD; chiếm 11,6%;
- Các nước Châu Phi: 211,22 triệu USD; chiếm 20,1%;
- Các nước EU: 114,9 triệu USD; chiếm 10,9% ;
- Malaysia : 50,9 triệu USD; chiếm 4,8%;
- Thái Lan : 46,1 triệu USD; chiếm 4,4%;
- New Zealand: 27,8 triệu USD; chiếm 2,6%;
- Chile: 27,7 triệu USD; chiếm 2,6%.

Biểu đồ 5 chỉ ra sự thay đổi về kim ngạch nhập khẩu G & SPG vào Việt Nam từ các thị trường.

Biểu đồ 5. Kim ngạch nhập khẩu G & SPG vào Việt Nam theo thị trường.



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

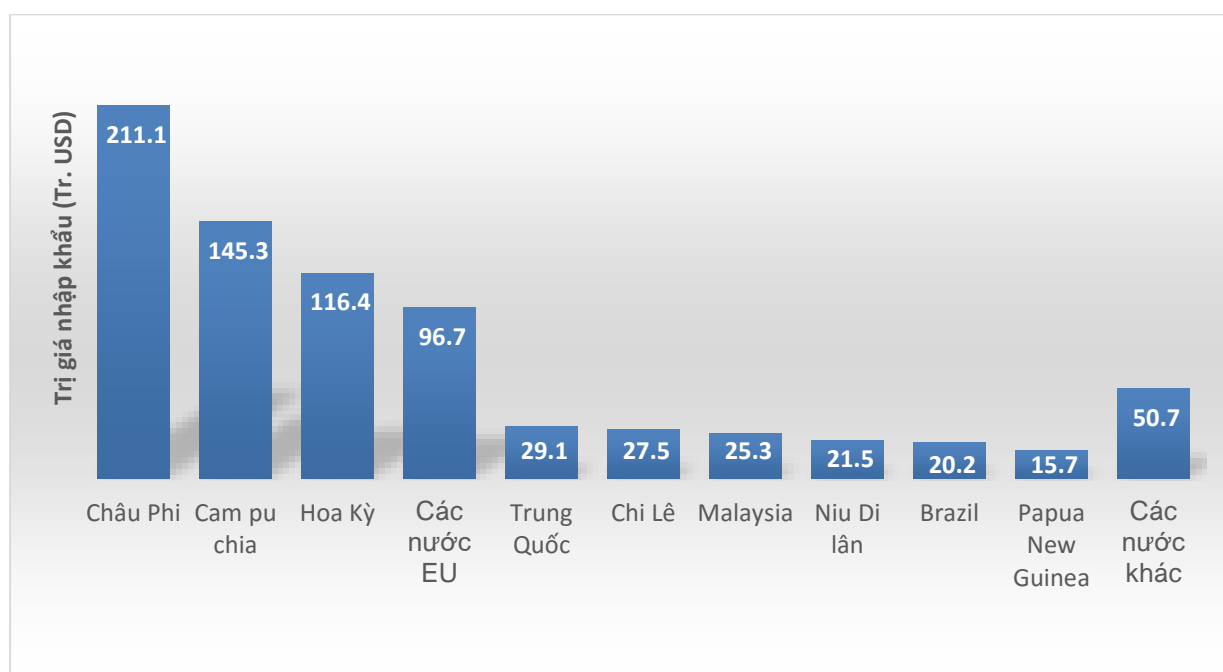
Gỗ tròn và xẻ là các mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất. Trong năm 2016, các thị trường cung gỗ tròn và xẻ lớn nhất cho Việt Nam về kim ngạch bao gồm Châu Phi, Hoa Kỳ, Campuchia, EU, Lào, Chile, New Zealand, Malaysia, Trung Quốc và Braxin.

Tách riêng mặt hàng gỗ tròn, các nước Châu Phi là nguồn cung quan trọng nhất, với giá trị nhập khẩu từ nguồn này lên tới gần 50% trong tổng kim ngạch gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam. Đứng sau Châu Phi là EU và Hoa Kỳ. Danh sách 10 nguồn cung gỗ tròn lớn nhất cho Việt Nam về kim ngạch được thể hiện trong phụ lục 3.

Đối với gỗ xẻ, Hoa Kỳ đứng đầu trong 10 quốc gia có giá trị kim ngạch lớn nhất, kế tiếp là Campuchia và các nước Châu Phi. Phụ lục 4 là danh sách 10 nguồn cung gỗ xẻ lớn nhất cho Việt Nam về kim ngạch năm 2016.

Tổng giá trị nhập khẩu cả gỗ tròn và xẻ 6 tháng đầu 2017, các quốc gia cung gỗ lớn nhất cho Việt Nam được thể hiện trong Biểu đồ 6.

Biểu đồ 6. Giá trị nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ vào Việt Nam 6 tháng 2017 theo thị trường.



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

5. Các thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam

Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, EU và Hàn Quốc là năm thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam. Bình quân giá trị kim ngạch xuất khẩu G & SPG của Việt Nam vào 5 thị trường này chiếm gần 90% trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu G & SPG của Việt Nam vào tất cả các thị trường. Các thị trường này không chỉ có vai trò quan trọng trong việc tiêu thụ các sản phẩm của Việt Nam mà còn là còn nguồn cung gỗ nguyên liệu và sản phẩm gỗ. Hàng năm giá trị kim ngạch nhập khẩu G & SPG từ 5 thị trường này vào Việt Nam chiếm khoảng 30-40% trong tổng kim ngạch nhập khẩu G & SPG của Việt Nam từ tất cả các nguồn.

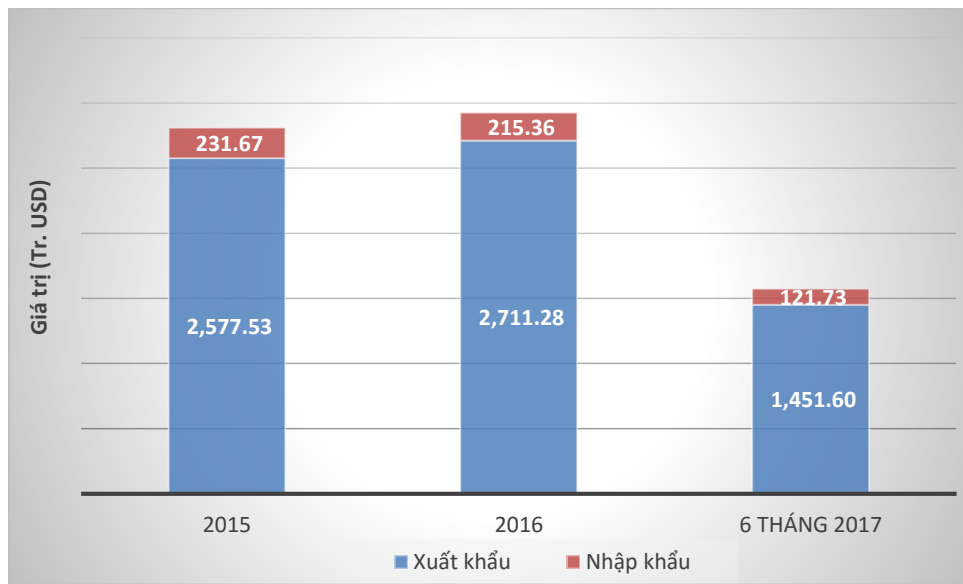
Tăng trưởng ở 5 thị trường này là động lực chính cho phát triển ngành gỗ. Bên cạnh đó, những biến động ở các thị trường này cũng tác động mạnh đến sự hoạt động và phát triển của ngành gỗ Việt Nam. Phần dưới đây sẽ đi chi tiết vào từng thị trường.

5.1. Hoa Kỳ

Là thị trường tiêu thụ G & SPG quan trọng nhất của Việt Nam. Giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt được từ thị trường này lên tới trên 2,5 tỉ USD, chiếm gần 40% trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu G & SPG của Việt Nam từ tất cả các thị trường.

Hoa Kỳ cũng là nguồn cung gỗ nguyên liệu quan trọng cho Việt Nam, với giá trị hàng năm lên tới trên 200 triệu USD. Biểu đồ 7 chỉ ra giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu G & SPG của Việt Nam từ thị trường này đến hết 6 tháng 2017.

Biểu đồ 7. Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu G & SPG của Việt Nam từ Hoa Kỳ.



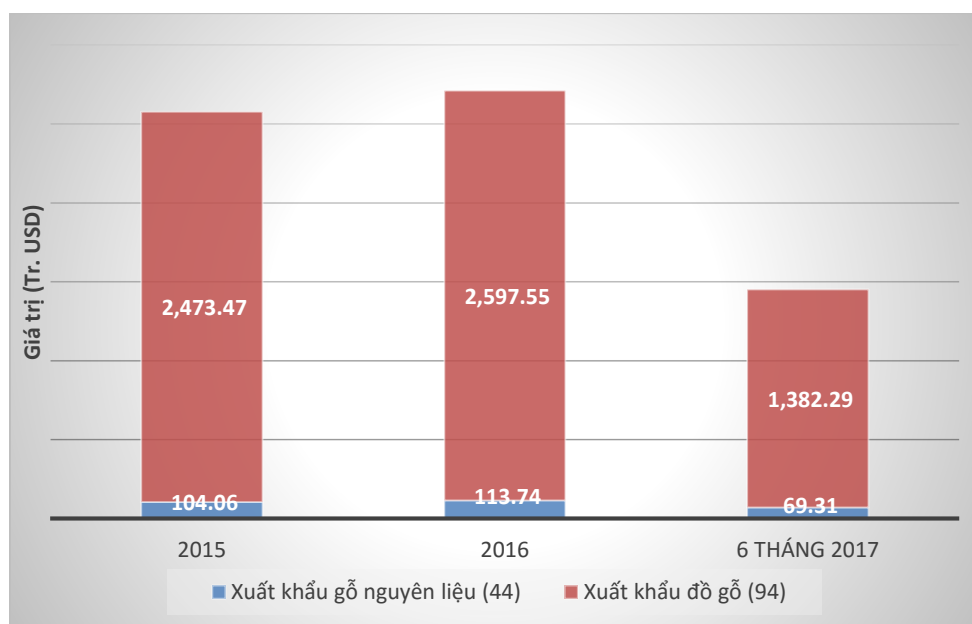
Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

5.1.1. Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ

Tiêu thụ G & SPG của Việt Nam tại Hoa Kỳ vẫn liên tục được mở rộng (Biểu đồ 8). Chỉ tính riêng trong 6 tháng đầu 2017 tổng giá trị xuất khẩu vào thị trường này đạt 1,45 tỉ USD, tương đương với 40,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu G & SPG của Việt Nam từ tất cả các thị trường.

Các mặt hàng nằm trong nhóm SPG chiếm 95-96% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Nhóm mặt hàng gỗ chiếm tỉ lệ rất nhỏ, khoảng 4-5%. Biểu đồ 8 chỉ ra cơ cấu xuất khẩu giữa nhóm mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ sang Hoa Kỳ đến hết 6 tháng năm 2017.

Biểu đồ 8. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam vào Hoa Kỳ



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Tổng số có 19 nhóm mặt hàng thuộc nhóm gỗ (HS 44) và 4 nhóm sản phẩm gỗ (HS 94) được Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ. Các mặt hàng có giá trị xuất khẩu cao bao gồm:

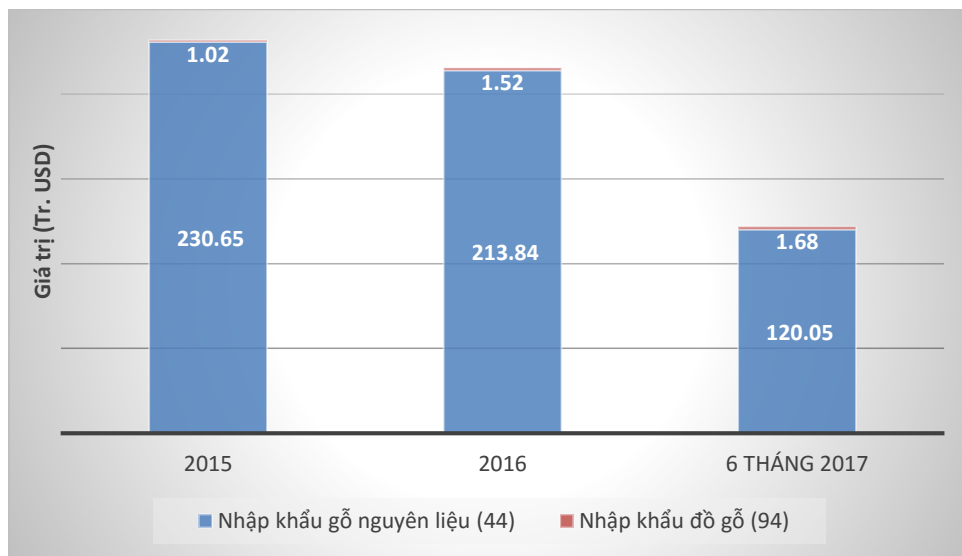
- Đồ gỗ (trừ ghế ngồi): 2,05 tỉ USD (2015) lên 2,12 tỉ USD (2016) và 1,095 tỉ USD (6 tháng 2017).
- Ghế gỗ : 420,9 triệu USD (2015) lên 477,16 triệu USD (2016) và 286,67 triệu USD (6 tháng 2017).
- Mộc dân dụng: 35,69 triệu USD (2015), lên 47,5 triệu USD (2016) và 21,6 triệu USD (6 tháng 2017).
- Gỗ dán: 7,1 triệu USD (2015), lên 8,6 triệu USD và tăng mạnh lên 18,4 triệu USD (6 tháng 2017).

Trong 6 tháng đầu 2017, các mặt hàng gỗ nguyên liệu được Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ có tốc độ tăng trưởng về kim ngạch cao nhất bao gồm (i) ván dăm (tăng 64% về lượng, 29% về giá trị so với 6 tháng cùng kỳ năm 2016) và (ii) đồ mộc (tăng 44% về lượng, 30% về giá trị).

5.1.2. Việt Nam nhập khẩu từ Hoa Kỳ

Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu và đồ gỗ từ Hoa Kỳ. Tuy nhiên, nhóm các mặt hàng gỗ nguyên liệu đóng vai trò chủ đạo; các mặt hàng đồ gỗ có kim ngạch rất nhỏ (Biểu đồ 9).

Biểu đồ 9. Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào Việt Nam từ Hoa Kỳ



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Hoa Kỳ là một trong các quốc gia cung gỗ nguyên liệu quan trọng nhất cho Việt Nam. Hàng năm, lượng gỗ quy tròn nhập khẩu vào Việt Nam lên tới 700.000-800.000 m³, tương đương với trên 200 triệu USD về kim ngạch. Các mặt hàng gỗ nguyên liệu quan trọng được nhập khẩu vào Việt Nam bao gồm:

- Gỗ xẻ: 473.850 m³, 194,1 triệu USD (2015), giảm xuống 460.380 m³, 173,86 triệu USD (2016) và tiếp tục xu hướng mở rộng lên 237.000 m³, trị giá 92 triệu USD (6 tháng 2017).
- Gỗ tròn: 63.850 m³, 29,74 triệu USD (2015); 75.930 m³, 33,69 triệu USD năm 2016 và tăng mạnh trong 6 tháng 2017 lên 62.000 m³, trị giá 24,38 triệu USD.
- Ván lạng: 3.181 m³, 4,6 triệu USD (2016), 3.096 m³, 4,5 triệu USD (2016) và 3.122 m³, 2,8 triệu USD (6 tháng 2017).

Các loài gỗ được Hoa Kỳ xuất khẩu sang Việt Nam bao gồm Sồi, Dương, óc Chó, Tần Bì, Anh Đào và Thông.

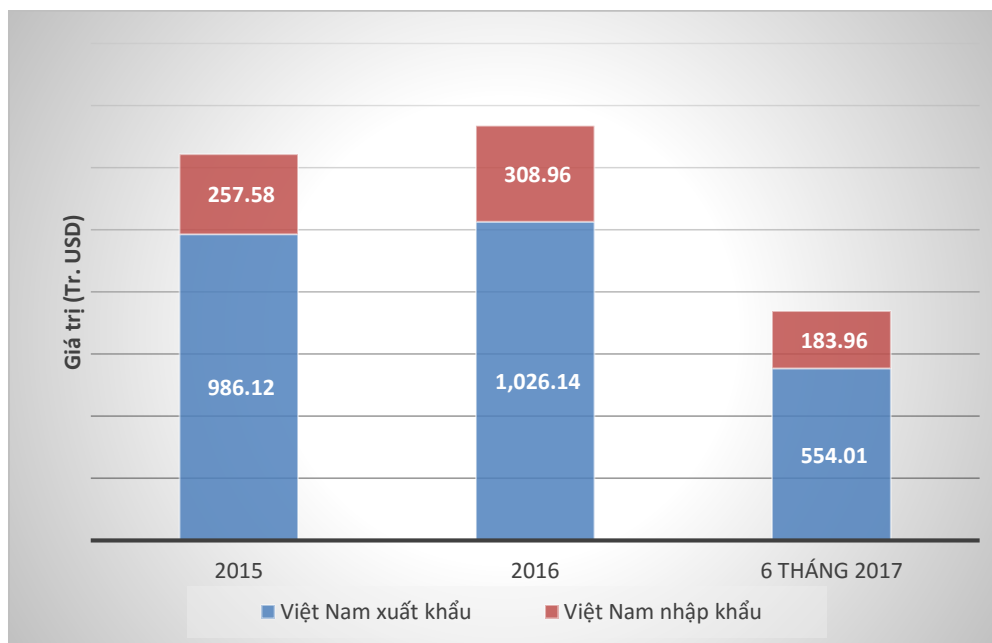
5.2. Trung Quốc

Trung Quốc là thị trường quan trọng đối với Việt Nam, kể cả về mặt tiêu thụ G & SPG và về nguồn cung gỗ nguyên liệu.

Trung Quốc cũng là đối thủ cạnh tranh trực tiếp với Việt Nam, cả trên phương diện các thị trường tiêu thụ và các nguồn cung gỗ nguyên liệu.

Bình quân kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều về G & SPG giữa hai quốc gia lên tới trên 1 tỉ USD, trong đó kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam chiếm khoảng 30% so với kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường này. Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu giữa 2 quốc gia được thể hiện trong Biểu đồ 10.

Biểu đồ 10. Giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Trung Quốc



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

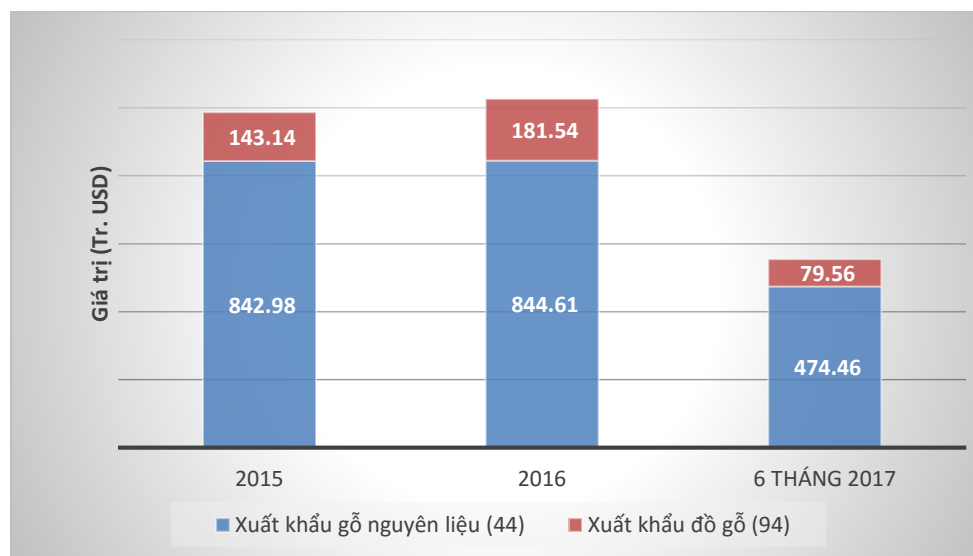
5.2.1. Việt Nam xuất khẩu vào Trung Quốc

Kim ngạch xuất khẩu G & SPG của Việt Nam vào Trung Quốc vẫn đang trên đà tăng trưởng (Biểu đồ 8). Năm 2015 kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này chiếm trên 15% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào tất cả các thị trường.

Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng 2017 đạt trên 554 triệu USD, tăng 26% so với kim ngạch 6 tháng cùng kỳ của năm 2016.

Gỗ nguyên liệu là mặt hàng xuất khẩu chủ đạo của Việt Nam sang thị trường này. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này chiếm trên 80% trong tổng giá trị xuất khẩu G & SPG của Việt Nam sang Trung Quốc. Kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ của Việt Nam vào thị trường này chiếm dưới 20%. Giá trị xuất khẩu các nhóm mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc đến hết 6 tháng 2017 được thể hiện qua Biểu đồ 11.

Biểu đồ 11. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Việt Nam xuất khẩu 19 nhóm mặt hàng nguyên liệu thuộc nhóm HS 44 và 4 nhóm mặt hàng thuộc nhóm HS 94 sang Trung Quốc. Một số nhóm mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn bao gồm:

- Dăm gỗ: 4,085 triệu tấn khô (BDT) - 0,595 tỉ USD năm 2015, 4,079 triệu BDT - 0,553 tỉ USD (2016) và 2,545 triệu BDT - 0,336 tỉ USD (6 tháng 2017).
- Gỗ xẻ: 225.300 m³ - 0,192 tỉ USD năm 2015, lên 343.800 m³ - 0,181 tỉ USD (2016) và 178.300 m³ - 0,08 tỉ USD (6 tháng 2017).
- Đồ gỗ (trừ ghế): Kim ngạch tăng 113,6 triệu USD (2015), lên 147,1 triệu USD (2016) và 64,5 triệu USD (6 tháng 2017).

Dăm gỗ và gỗ xẻ là hai trong số các mặt hàng gỗ nguyên liệu xuất khẩu sang Trung Quốc có tốc độ tăng trưởng kim ngạch lớn nhất. Đối với dăm gỗ, trong 6 tháng đầu 2017, kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc tăng 43% về lượng và 34% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016.

Gỗ xẻ và gỗ cao su có vai trò rất lớn trong việc gia tăng về kim ngạch. Năm 2015 lượng gỗ cao su là gỗ xẻ xuất khẩu sang Trung Quốc đạt gần 137.500 m³, tương đương 36,4 triệu USD về kim ngạch. Đến 2016, các con số này là 264.800 m³ và gần 60 triệu USD. Trong 6 tháng đầu 2017, Việt Nam xuất khẩu gần 133.000 m³ gỗ cao su xẻ, với kim ngạch 29 triệu USD kim ngạch. Tình trạng gỗ cao su xuất khẩu mạnh sang Trung Quốc đã gây ra những cạnh tranh khốc liệt trong việc thu mua gỗ cao su nguyên liệu giữa các doanh nghiệp Việt Nam và Trung Quốc. Cạnh tranh trong thu mua cũng đẩy giá gỗ cao su nguyên liệu tăng khoảng 40% từ đầu 2017 đến nay.

Lượng gỗ xẻ là gỗ hương được xuất khẩu sang Trung Quốc cũng đạt mức cao, đạt gần 40.000 m³ trong 6 tháng đầu 2017, tương đương với gần 50 triệu USD về kim ngạch.

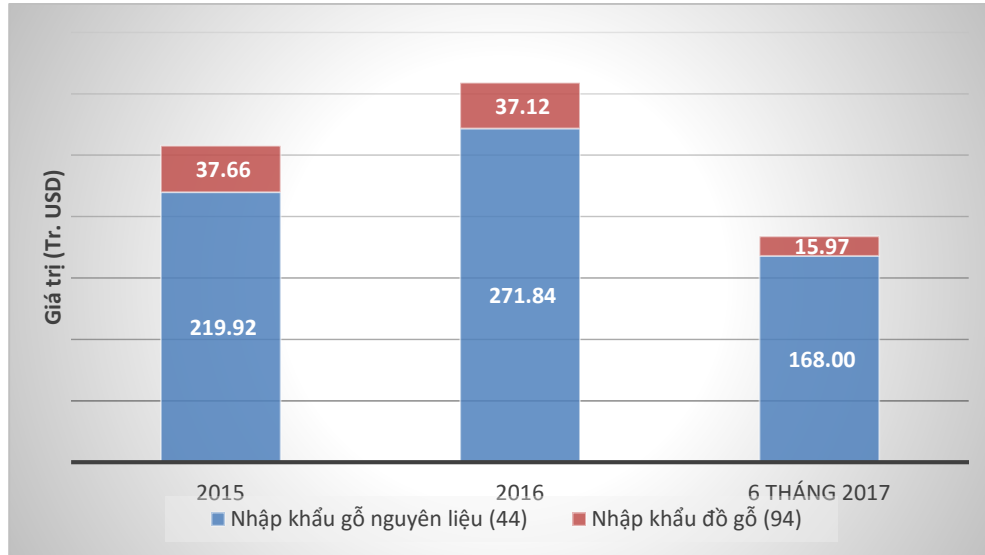
5.2.2. Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc

Kim ngạch nhập khẩu G & SPG từ Trung Quốc vào Việt Nam tiếp tục tăng, từ 0,26 tỉ USD năm 2015 lên 0,3 tỉ USD năm 2016. Trong 6 tháng đầu 2017, giá trị kim ngạch nhập khẩu đạt 0,18 tỉ USD. Tuy

nhiên, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng gỗ nguyên nguyên liệu tăng, trong khi kim ngạch nhóm mặt hàng đồ gỗ giảm.

Trong các mặt hàng nhập khẩu, nhóm gỗ nguyên liệu chiếm chủ yếu (Biểu đồ 12), với tỉ trọng 80-90% trong tổng giá trị kim ngạch nhập khẩu; các mặt hàng nhóm sản phẩm gỗ chỉ chiếm tỉ trọng nhỏ (10-20%).

Biểu đồ 12. Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Trung Quốc vào Việt Nam



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc khoảng 19 nhóm mặt hàng trong nhóm HS 44 và 2 nhóm mặt hàng trong nhóm HS 94. Các nhóm mặt hàng gỗ nguyên liệu có giá trị kim ngạch lớn bao gồm:

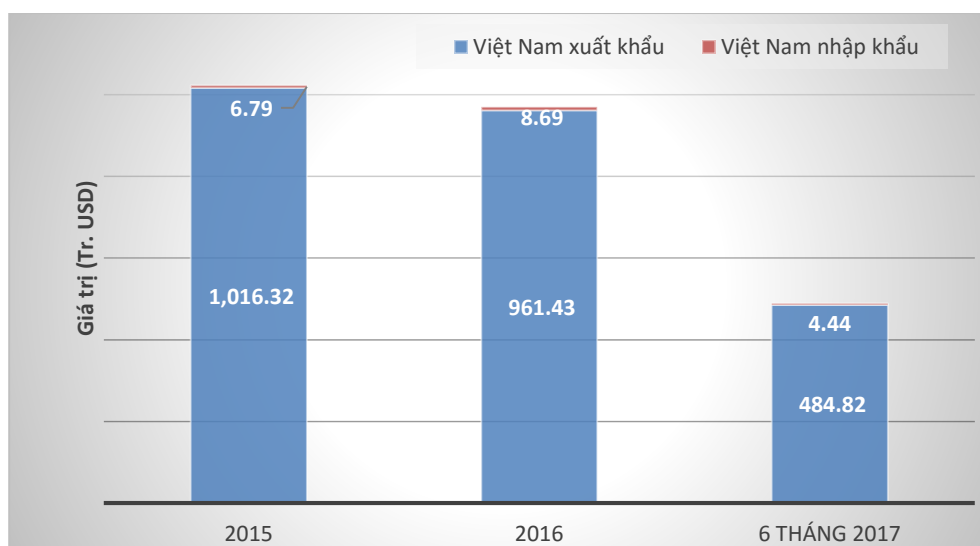
- Gỗ dán: 234.820 m³, 96,48 triệu USD (2015); 253.630 m³, 109,8 triệu USD (2016); 163.500 m³, 69,6 triệu USD (6 tháng 2017).
- Ván sợi: 128.100 m³ - 34,6 triệu USD (2015); 117.400 m³ - 33,8 triệu USD (2016); 93.500 m³ - 23,4 triệu USD (6 tháng 2017).
- Ván lạng: 92.200 m³ - 59,8 triệu USD (2015), 107.500 m³ - 64,3 triệu USD (2016) và 53.980 m³ - 34,56 triệu USD (6 tháng 2017).
- Đồ gỗ (trừ ghế): 25,9 triệu USD (2015), 22,5 triệu USD (2016) và 9,5 triệu USD (6 tháng 2017).
- Ghế gỗ: 11,8 triệu USD (2015), 14,6 triệu USD (2016) và 6,4 triệu USD (6 tháng 2017).

Trong các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc, ván lạng, ván sợi và gỗ dán là các mặt hàng có độ tăng trưởng về kim ngạch lớn nhất. Cụ thể trong 6 tháng đầu 2017 mặt hàng ván sợi nhập khẩu vào Việt Nam tăng 100% về lượng và 70% về giá trị so với cùng kỳ 2016; tăng trưởng về lượng và kim ngạch đối với mặt hàng gỗ dán tương ứng là 57% và 54%; tăng trưởng về lượng và giá trị đối với mặt hàng ván lạng là 34% và 22%.

5.3. Nhật Bản

Nhật Bản là một trong 3 thị trường tiêu thụ G & SPG lớn nhất của Việt Nam (sau Hoa Kỳ và Trung Quốc). Bình quân kim ngạch xuất khẩu G & SPG Việt Nam đạt được từ thị trường này khoảng gần 1 tỉ USD mỗi năm. Các mặt hàng G & SPG nhập khẩu từ Nhật vào Việt Nam không đáng kể, chỉ khoảng dưới 10 triệu USD/năm (Biểu đồ 13).

Biểu đồ 13. Kim ngạch xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Nhật Bản



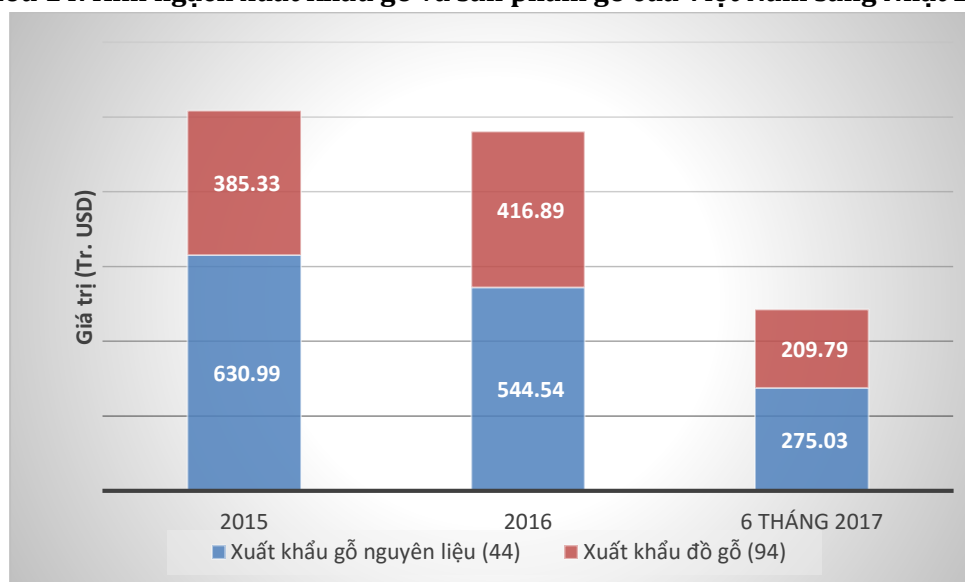
Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Kim ngạch xuất khẩu G & SPG của Việt Nam sang Nhật Bản năm 2016 giảm so với năm 2015. Tuy nhiên trong 6 tháng đầu 2017, tốc độ tăng trưởng kim ngạch tiếp tục tăng.

5.3.1. Việt Nam xuất khẩu vào Nhật Bản

Cơ cấu xuất khẩu các mặt hàng gỗ nguyên liệu và đồ gỗ từ Việt Nam vào Nhật Bản không chênh lệch quá nhiều như thị trường Hoa Kỳ và Trung Quốc. Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ nguyên liệu chiếm khoảng 60%, phần còn lại (40%) là các mặt hàng đồ gỗ. Biểu 14 chỉ ra giá trị kim ngạch xuất khẩu của hai nhóm mặt hàng này của Việt Nam đến hết tháng 6 năm 2017

Biểu 14. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Nhật Bản.



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Việt Nam xuất khẩu 19 nhóm mặt hàng HS 44 và 4 nhóm mặt hàng HS 94 vào thị trường Nhật Bản. Các nhóm mặt hàng có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao bao gồm:

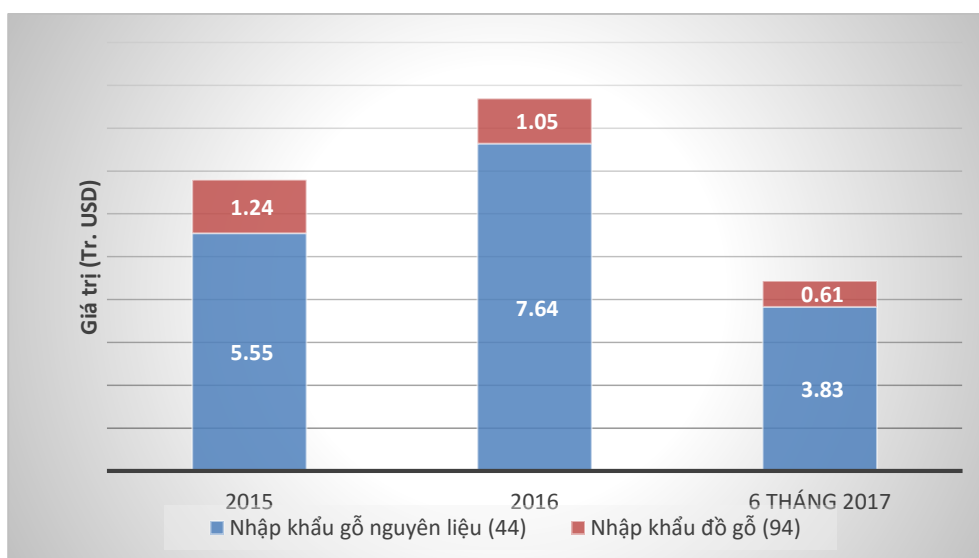
- Dăm gỗ: 3,17 triệu tấn khô - 0,45 tỉ USD (2015); giảm còn 2,67 triệu tấn - 0,364 tỉ USD (2016) và 1,45 triệu tấn - 0,189 tỉ USD (6 tháng 2017).

- Gỗ dán: 122,46 ngàn m³- 33,1 triệu USD (2015); 127,8 ngàn m³ - 34,7 triệu USD (2016) và 67,7 ngàn m³ – 19,1 triệu USD (6 tháng 2017).
- Mộc dân dụng: 16,4 ngàn m³ -36,8 triệu USD (2015); 25 ngàn m³ – 41,9 triệu USD (2016) và 19,1 ngàn m³ – 25,5 triệu USD (6 tháng 2017).
- Đồ gỗ mỹ nghệ: 35,9 triệu USD (2015) lên 38,6 triệu USD (2016) và 20,4 triệu USD (6 tháng 2017).
- Đồ gỗ (trừ ghế): 300,1 triệu USD (2015), lên 323,2 triệu USD (2016) và 157 triệu USD (6 tháng 2017).
- Ghế gỗ: 84,5 triệu USD (2015), 93,3 triệu USD (2016) và 52,4 triệu USD (6 tháng 2017).

5.3.2. Việt Nam nhập khẩu từ Nhật Bản

Nhật Bản là nguồn cung gỗ và sản phẩm gỗ không quan trọng đối với Việt Nam. Bình quân mỗi năm kim ngạch nhập khẩu từ nguồn này dưới 10 triệu USD (Biểu đồ 15).

Biểu đồ 15. Việt Nam nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Nhật Bản.



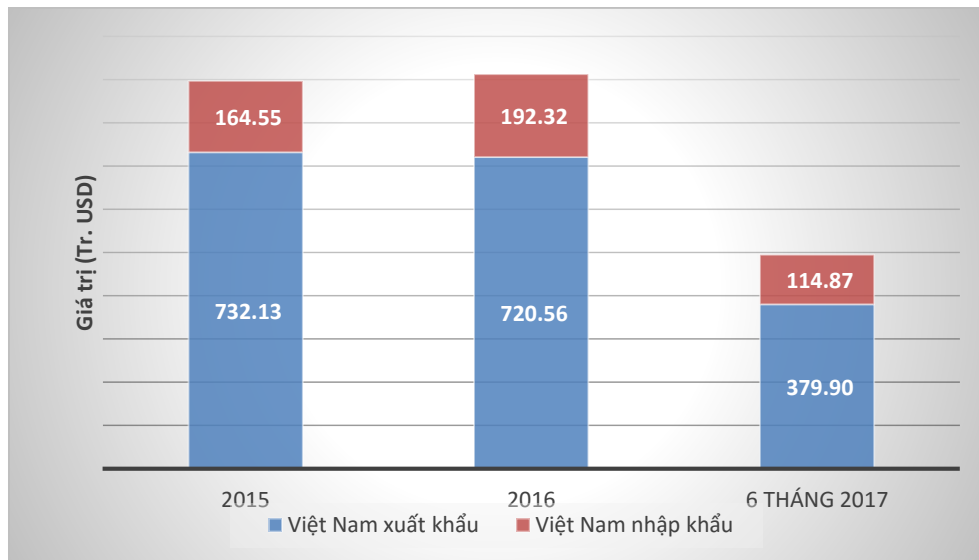
Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam
Gỗ tròn và gỗ xẻ là 2 mặt hàng nhập khẩu chủ đạo. Lượng nhập cụ thể trong những năm gần đây như sau:

- Gỗ tròn: 2.193 m³ – 0,58 triệu USD (2015), 5.400 m³ – 1,17 triệu USD (2016) và 2.935 m³ – 0,82 triệu USD (6 tháng 2017).
- Gỗ xẻ: 3.531 m³ – 1,72 triệu USD (2015), 4.343 m³ – 2,22 triệu USD (2016) và 2.374 m³ – 1,1 triệu USD (6 tháng 2017).

5.4. EU

EU là một trong những thị trường tiêu thụ các mặt hàng G & SPG quan trọng nhất của Việt Nam. Hàng năm kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều giữa hai quốc gia lên tới khoảng 800-900 triệu USD, với khoảng 80% trong đó là kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang EU; 20% còn lại là kim ngạch của chiều ngược lại. Tuy nhiên, thặng dư thương mại của Việt Nam có chiều hướng giảm. Biểu đồ 16 chỉ ra các con số về kim ngạch xuất nhập khẩu G & SPG của Việt Nam từ EU đến hết tháng 6 năm 2017.

Biểu đồ 16. Kim ngạch xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và EU

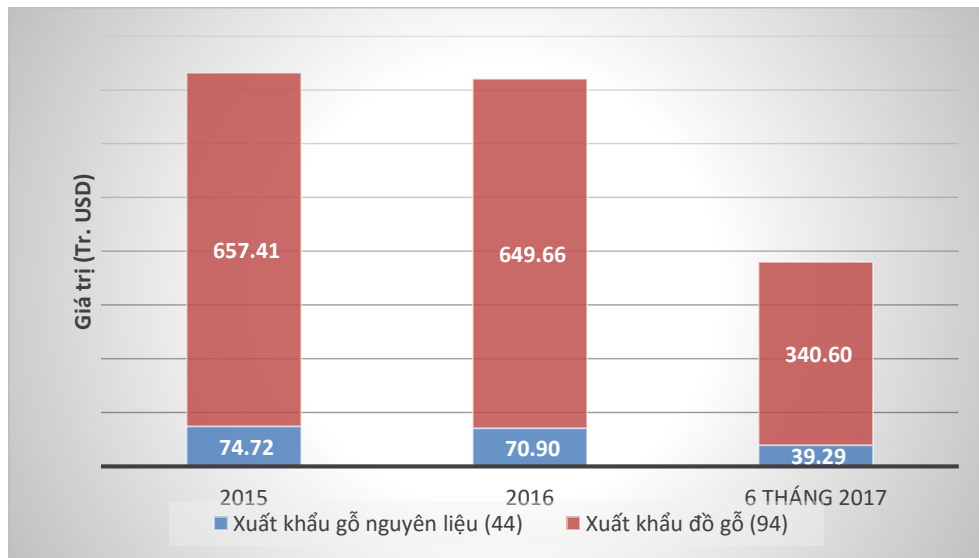


Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

5.4.1. Việt Nam xuất khẩu vào EU

Khoảng 90% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tương đương trên dưới 650 triệu USD, từ EU là từ nhóm các mặt hàng đồ gỗ; kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ nguyên liệu nhỏ (10%, tương đương với trên dưới 70 triệu USD) (Biểu đồ 17).

Biểu đồ 17. Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang EU.



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Xu hướng xuất khẩu vào EU cho thấy thị trường đang co hẹp so với các thị trường xuất khẩu khác. Năm 2015 kim ngạch xuất khẩu G & SPG của Việt Nam vào thị trường này chiếm 10,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam từ tất cả các thị trường. Đến năm 2016 kim ngạch từ thị trường này giảm xuống còn 10,6 %.

Việt Nam xuất khẩu 19 nhóm mặt hàng HS 44 và 4 nhóm mặt hàng HS 94 vào các nước EU. Các mặt hàng có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn bao gồm:

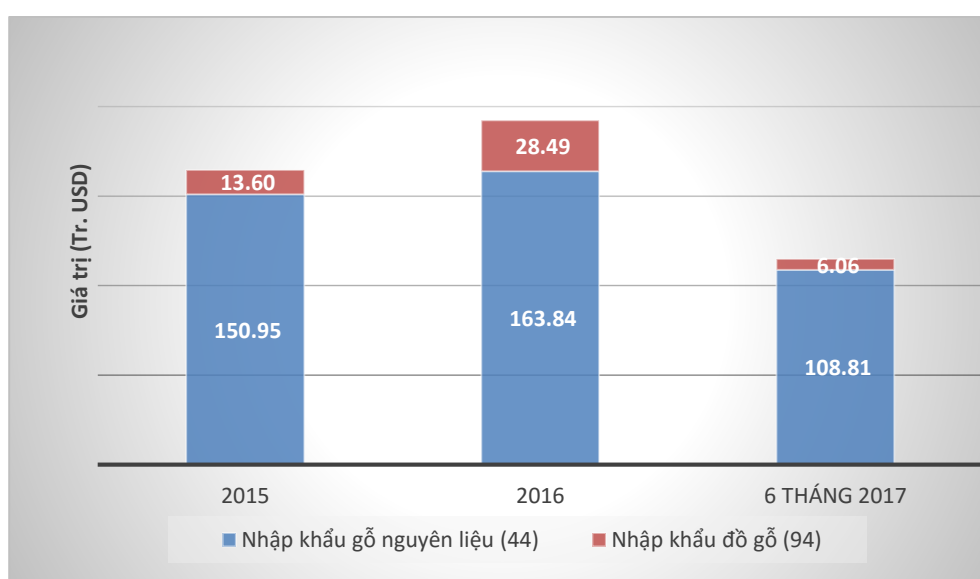
- Đồ gỗ (trừ ghế): 447,5 triệu USD (2015), 452,6 triệu USD (2016) và 231,1 triệu USD (6 tháng 2017).
- Ghế gỗ: 209,6 triệu USD (2015), giảm xuống 196,7 triệu USD (2016), 109,5 triệu USD (6 tháng 2017).
- Mộc dân dụng: 26,4 ngàn m³ - 27,6 triệu USD (2015), 29,8 ngàn m³ - 32,4 triệu USD (2016) và 16,1 ngàn m³ - 17,65 triệu USD (6 tháng 2017).

Nhìn chung so với các thị trường khác như Trung Quốc, Hoa Kỳ, EU là thị trường mang tính ổn định cao trong việc tiêu thụ G & SPG của Việt Nam.

5.4.2. Việt Nam nhập khẩu từ EU

Mỗi năm Việt Nam nhập khẩu khoảng 160-190 triệu USD G & SPG từ Châu Âu. Trên 90% trong tổng kim ngạch này, tương đương 150-160 triệu USD là các mặt hàng gỗ nguyên liệu. Phần còn lại (dưới 10%) là sản phẩm gỗ (Biểu đồ 18)

Biểu đồ 18. Kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào Việt Nam từ EU



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Ngược lại với xu hướng xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu từ EU tăng mạnh. Năm 2016 kim ngạch nhập khẩu đạt 192,3 triệu USD, tăng gần 17% so với kim ngạch năm 2015 (164,6 triệu USD). Trong 6 tháng đầu 2017, kim ngạch nhập khẩu tăng 17,7% so với kim ngạch cùng kỳ năm 2016.

Gỗ tròn và gỗ xẻ là các mặt hàng chính trong nhập khẩu. Hàng năm lượng gỗ tròn và xẻ nhập khẩu vào Việt Nam lên tới con số trên 500.000 m³ gỗ quy tròn. Các loài gỗ nhập khẩu chủ yếu là sồi, tần bì, thông, dương, , linh sam.

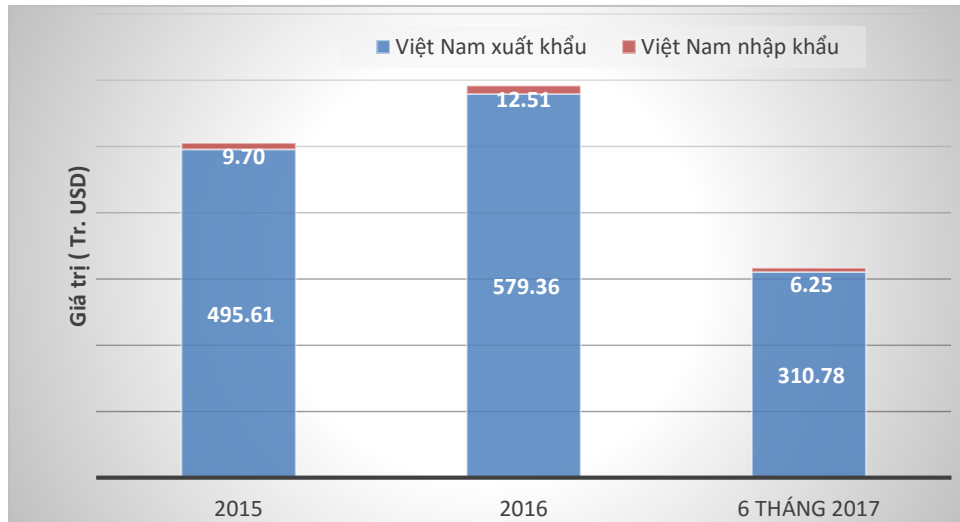
Các mặt hàng nhập khẩu có giá trị lớn bao gồm:

- Gỗ tròn: 267,3 ngàn m³ - 58,35 triệu USD (2015), 293,1 ngàn m³ - 59,3 triệu USD (2016) và 261,9 ngàn m³ - 52,4 triệu USD (6 tháng 2017).
- Gỗ xẻ: 221 ngàn m³ - 77,3 triệu USD (2015), 242,3 ngàn m³ - 81,2 triệu USD (2016) và 129,7 ngàn m³ - 44,3 triệu USD (6 tháng 2017).
- Ván sợi : 4.261 m³ - 3,5 triệu USD (2015), 10,9 ngàn m³ - 10,85 triệu USD (2016) và 7,3 ngàn m³ - 5,6 triệu USD (6 tháng 2017).

5.5. Hàn Quốc

Hàn Quốc ngày càng theo sát vị trí các thị trường xuất khẩu lớn nhất của ngành gỗ Việt Nam như EU, Nhật Bản, Trung Quốc. Hàng năm, kim ngạch xuất nhập khẩu các mặt hàng G & SPG giữa hai quốc gia lên tới 500-600 triệu USD, với phần kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này chiếm 97-98 % trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (Biểu đồ 19).

Biểu đồ 19. Kim ngạch xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Hàn Quốc

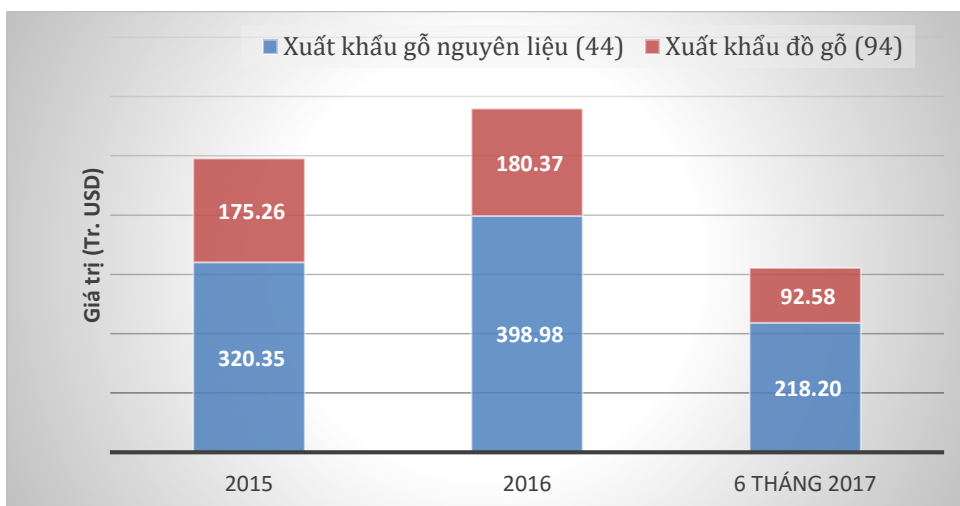


Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

5.5.1. Việt Nam xuất khẩu vào Hàn Quốc

Việt Nam chủ yếu xuất khẩu gỗ nguyên liệu vào Hàn Quốc, với kim ngạch của nhóm mặt hàng này chiếm 65-70% trong tổng kim ngạch xuất khẩu G & SPG của Việt Nam vào thị trường này. Kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ chiếm 30-35%. Biểu đồ 20 chỉ ra giá trị kim ngạch từ thị trường này.

Biểu đồ 20. Giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào Hàn Quốc



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Xuất khẩu gỗ nguyên liệu từ Việt Nam sang Hàn Quốc có xu hướng liên tục mở rộng, tăng từ 0,32 tỉ USD (2015) lên 0,4 tỉ USD (2016). Trong 6 tháng đầu 2017 kim ngạch đạt 0,22 tỉ USD.

Việt Nam xuất khẩu 19 nhóm mặt hàng HS 44 và 4 nhóm mặt hàng HS 94 sang Hàn Quốc, một số nhóm mặt hàng có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn như sau:

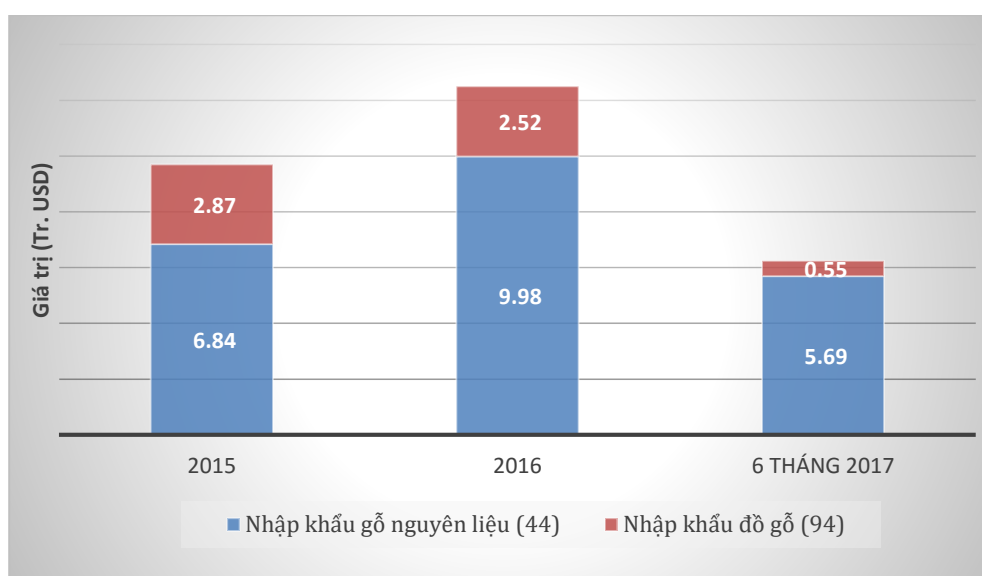
- Viên nén gỗ: Lượng xuất khẩu 1,259 triệu tấn -132,2 triệu USD (2015), 1,52 triệu tấn - 146,7 triệu USD (2016) và 0,82 triệu tấn- 83,5 triệu USD (6 tháng 2017).
- Gỗ dán: 277,4 ngàn m³ - 73,1 triệu USD (2015), 477,7 ngàn m³- 133,5 triệu USD (2016) và 293 ngàn m³- 78,8 triệu USD (6 tháng 2017).
- Dăm gỗ: 0,42 triệu tấn - 66,7 triệu USD (2015), lên 0,43 triệu tấn - 65,4 triệu USD (2016) và 0,18 triệu tấn- 27,6 triệu USD (6 tháng 2017).
- Đồ gỗ (trừ ghế): 100,3 triệu USD (2015), lên 104 triệu USD (2016) và 52,5 triệu USD (6 tháng 2017).
- Ghế gỗ: 74,9 triệu USD (2015), tăng lên 76,4 triệu USD (2016) và 40,1 triệu USD (6 tháng 2017).

Trong 6 tháng đầu 2017 các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này có tốc độ tăng trưởng cao bao gồm viên nén (tăng 14% về lượng và 20% về giá trị so với cùng kỳ năm 2016), đồ mộc (50% về lượng và 54% về giá trị).

5.5.2. Việt Nam nhập khẩu từ Hàn Quốc

Hàn Quốc không phải là thị trường nhập khẩu quan trọng của Việt Nam. Giá trị kim ngạch nhập khẩu mỗi năm đạt trên dưới 10 triệu USD, trong đó chủ yếu là các loại gỗ nguyên liệu (khoảng 80%). Biểu đồ 21 chỉ ra sự thay đổi kim ngạch nhập khẩu G & SPG từ Hàn Quốc.

Biểu đồ 21. Kim ngạch gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu Việt Nam nhập khẩu từ Hàn Quốc.



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Các mặt hàng nhập khẩu có giá trị lớn bao gồm:

- Ván sọt : 12,6 ngàn m³ - 4,4 triệu USD (2015), lên 15 ngàn m³ - 4,8 triệu USD (2016) và 8,8 ngàn m³ - 2,9 triệu USD (6 tháng 2017).
- Đồ gỗ (trừ ghế): 1,9 triệu USD (2015), tăng lên 2 triệu USD (2016) và giảm còn 0,48 triệu USD (6 tháng 2017).

Thời gian gần đây đã có những biến động mới tại các thị trường cung gỗ nguyên liệu cho và các thị trường tiêu thụ G & SPG của Việt Nam. Phần 6 dưới đây đề cập đến 1 số thay đổi tại các nguồn cung nguyên liệu. Phần 7 tập trung vào thay đổi tại các thị trường tiêu thụ.

6. Các diễn biến mới tại một số nguồn cung nguyên liệu gỗ cho Việt Nam

Trong thời gian vừa qua đã có một số thay đổi lớn về nguồn cung nguyên liệu gỗ cho Việt Nam, bao gồm các thay đổi tại các thị trường truyền thống như Lào, Campuchia, Papua New Guine và Châu Phi.

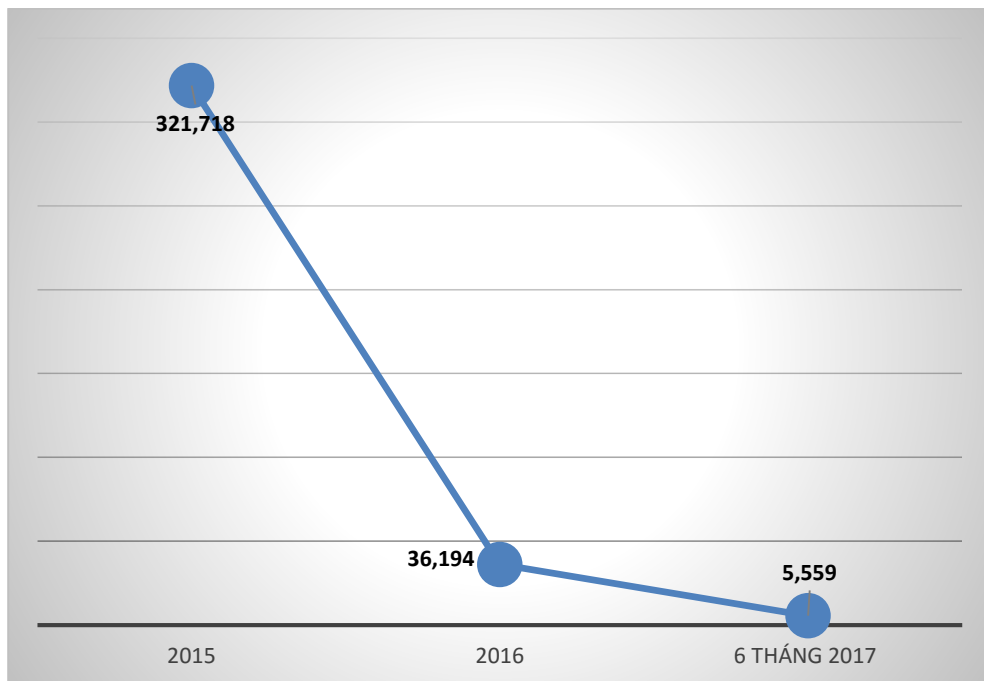
6.1. Nguồn cung từ Lào

Lào đã từng là quốc gia cung gỗ tròn và xẻ lớn nhất cho Việt Nam. Ở giai đoạn đỉnh điểm, cung gỗ từ nguồn này lên tới gần 1 triệu m³ gỗ quy tròn/năm, với khoảng 60% trong lượng nhập khẩu là các loài gỗ quý.

Nguồn gỗ từ Lào có vai trò quan trọng tuy nhiên gần đây chính phủ Lào bắt đầu áp dụng các biện pháp siết chặt giám sát và quản lý đối với việc khai thác, thương mại và xuất khẩu gỗ nguyên liệu, đặc biệt phải kể đến Nghị định 15 của Thủ tướng chính phủ, ban hành ngày 13 tháng 5 năm 2016. Nghị định này cấm hoàn toàn việc xuất khẩu các mặt hàng gỗ thô.

Thực thi Nghị định 15 làm cho nguồn cung gỗ từ Lào vào Việt Nam gần như mất hẳn. Lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam giảm từ gần 322.000 m³ năm 2015 còn trên 36.000 m³ năm 2016. Trong 6 tháng đầu 2017, chỉ còn chưa đến 6.000 m³ gỗ tròn được nhập khẩu vào Việt Nam từ nguồn này (Biểu đồ 22).

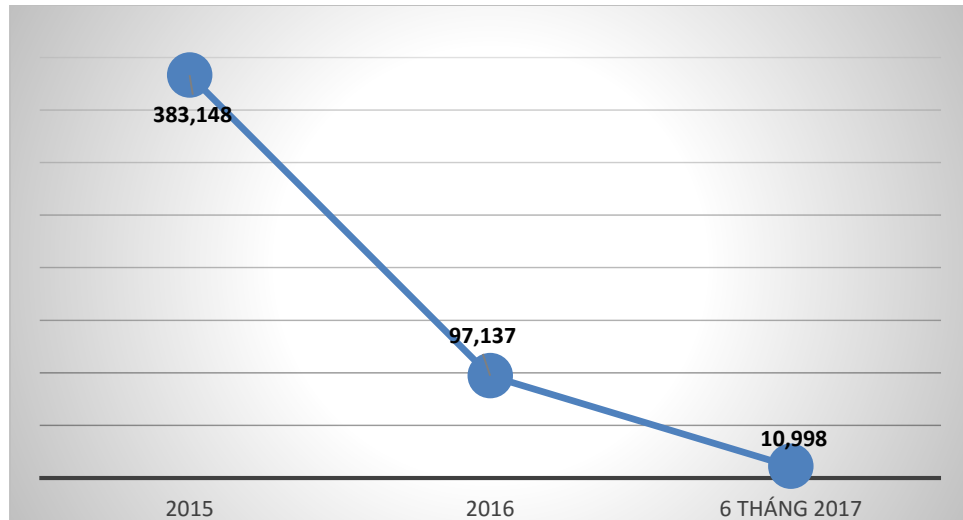
Biểu đồ 22. Lượng gỗ tròn nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Xu hướng nhập khẩu gỗ xẻ từ nguồn này diễn ra tương tự như với xu hướng gỗ tròn nhập khẩu (Biểu đồ 23). Lượng nhập khẩu giảm từ trên 380.000 m³ năm 2015 xuống còn dưới 100.000 m³ năm 2016 và chưa đầy 11.000 trong 6 tháng đầu năm 2017.

Biểu đồ 23. Lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ Lào vào Việt Nam



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

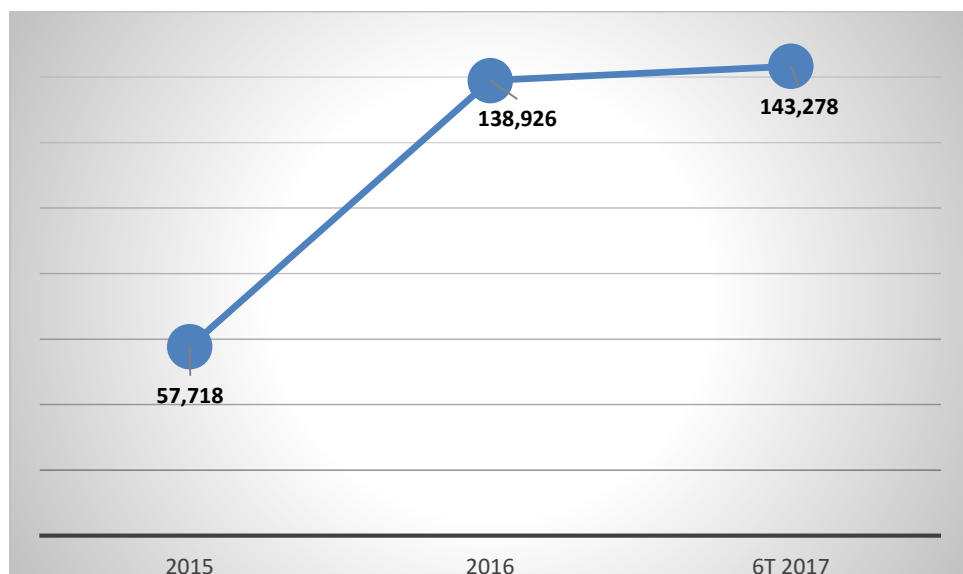
Hiện chưa có bất cứ tín hiệu nào về sự vực dậy của nguồn cung này trong tương lai. Chính phủ Lào vẫn đang tiếp tục thắt chặt quản lý, nhằm cấm hoàn toàn việc xuất khẩu nguồn gỗ nguyên liệu chưa qua chế biến sâu.

6.2. Nguồn cung từ Campuchia

Campuchia cũng là một trong những thị trường cung gỗ nguyên liệu quan trọng nhất cho Việt Nam, với 60-70% nguồn gỗ nhập khẩu là các loài gỗ quý. Cũng giống như nguồn cung từ Lào, nguồn cung gỗ từ Campuchia có vai trò quan trọng đối với thị trường tiêu thụ nội địa và cho xuất khẩu (chủ yếu là Trung Quốc.)

Khác với xu hướng nhập khẩu từ Lào, nhập khẩu gỗ từ Campuchia vào Việt Nam trong những năm gần đây tăng mạnh. Cụ thể lượng gỗ tròn nhập khẩu tăng từ dưới 58.000 m³ năm 2015 lên gần 140.000 m³ năm 2016 và đến trên 143.000 m³ chỉ trong 6 tháng đầu 2017 (Biểu đồ 24).

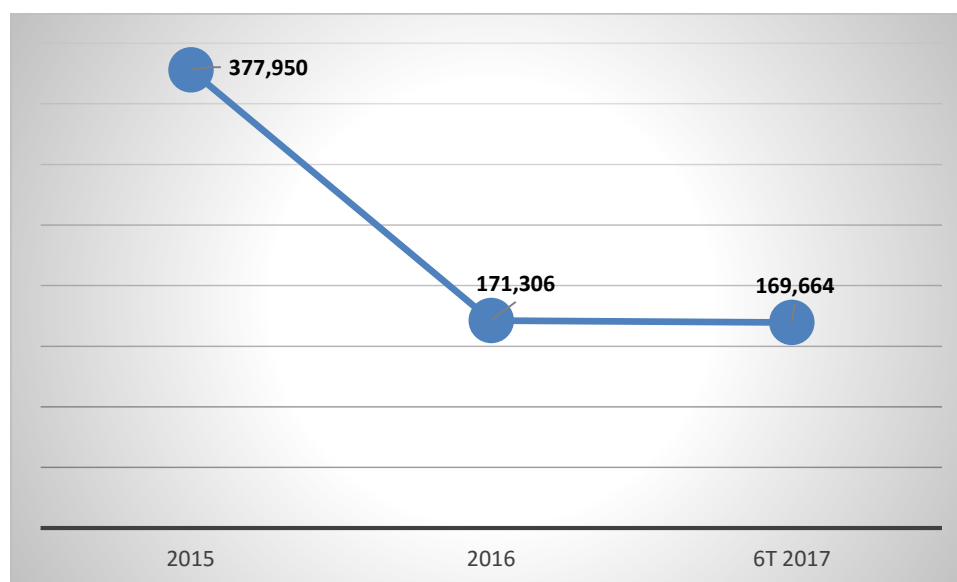
Biểu đồ 24. Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn từ Campuchia



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Mặc dù xu hướng nhập khẩu gỗ xẻ từ nguồn này vào Việt Nam không giống nhau, lượng gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ Campuchia cũng tăng đột biến trong những năm gần đây. Trong 6 tháng đầu năm 2017, lượng gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ nguồn này lên tới gần 170.000 m³, gần bằng với lượng gỗ xẻ nhập khẩu trong cả năm 2016 (Biểu đồ 25).

Biểu đồ 25. Lượng gỗ xẻ nhập khẩu từ Campuchia vào Việt Nam.



Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Gia tăng đột biến về lượng nhập khẩu từ nguồn Campuchia là do chính quyền tại một số địa phương đặc biệt vùng Tây Nguyên của Việt Nam cho phép việc nhập khẩu từ nguồn này qua một số cửa khẩu phụ. Điều này đã được các cơ quan thông tấn báo chí trong nước và quốc tế đề cập nhiều trong thời gian vừa qua. Hệ quả là hình ảnh của ngành chế biến gỗ của Việt Nam bị ảnh hưởng tiêu cực.

Tính biến động của nguồn cung này rất khó dự đoán trong tương lai. Tuy nhiên, sau những ồn ào có liên quan đến sự gia tăng về nguồn cung này, chính phủ Campuchia và Việt Nam sẽ thực hiện các biện pháp chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát nguồn cung này. Do vậy ít nhất trong ngắn hạn nguồn cung này có thể sẽ co hẹp.

6.3. Papua New Guine

Đây cũng là nguồn cung gỗ nguyên liệu quan trọng cho Việt Nam, với lượng cung năm 2016 lên tới trên 180.000 m³ quy tròn. Trong 6 tháng đầu 2017, lượng nhập khoảng gần 83.000 m³ quy tròn. Trước đó bạch đàn là loại gỗ chính tuy nhiên trong thời gian gần đây Việt Nam nhập khẩu thêm nhiều loại gỗ tạp từ thị trường này.

Thời gian vừa qua đã có một số điều tra của một số tổ chức môi trường và một số cơ quan báo chí đưa ra những cáo buộc có liên quan đến tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu tại quốc gia này.¹ Các cáo buộc này được dựa trên các bằng chứng về những vi phạm các quy định của chính phủ trong

¹ Nguồn thông tin: <http://www.abc.net.au/news/2017-08-03/pngs-illegal-logging-exports-continue/8770756>
<http://www.asiasentinel.com/econ-business/illegal-logging-papua-new-guinea/>

các khâu khai thác gỗ. Nói cách khác, gỗ nguyên liệu có nguồn gốc từ PNG tiềm ẩn nhiều rủi ro về tính pháp lý.

Các cáo buộc gần đây đã buộc chính phủ PNG có những động thái mới trong việc xem xét lại toàn bộ quá trình khai thác gỗ tại quốc gia này. Điều này có thể dẫn đến sự suy giảm cung gỗ từ nguồn này trong tương lai.

6.4. Nguồn cung từ Châu Phi

Gần đây, các nước Châu Phi nổi lên như là nguồn cung gỗ tròn và gỗ xẻ quan trọng cho Việt Nam. Hàng năm, lượng cung từ nguồn này lên tới 700.000 – 800.000 m³. Các quốc gia cung nhiều gỗ nhất cho Việt Nam bao gồm Cameroon, Nigeria, Congo.

Sự gia tăng về lượng nhập từ Châu Phi vào Việt Nam trong những năm gần đây một phần là do suy giảm nguồn cung từ Lào. Khi nhập gỗ từ Châu Phi, các doanh nghiệp lựa chọn các loài gỗ tương đồng như các loài mà trước đó nhập từ Lào.

Thông tin từ một số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ từ Châu Phi cho thấy hiện nay lượng nhập từ Châu Phi có xu hướng chững lại. Lí do là bởi lượng nhập về trong những năm vừa qua tương đối nhiều và lượng tồn vẫn còn lớn. Lí do khác là bởi một số loài nhập khẩu từ Châu Phi mặc dù có vẻ tương đối giống với các loài nhập khẩu về loài, về vân gỗ, thớ gỗ, tuy nhiên sau một thời gian kiểm chứng cho thấy chất lượng kém hơn hẳn các loài nhập khẩu từ Lào.

Các loài nhập khẩu nhiều nhất vào Việt Nam từ Châu Phi là lim và hương. Gỗ lim nhập khẩu từ nguồn này chủ yếu được sử dụng cho thị trường nội địa. Do mức giá tương đối rẻ, cầu tiêu dùng nội địa đối với loài gỗ này tương đối ổn định. Gỗ hương nhập khẩu từ nguồn này được sử dụng cho cả nội địa và xuất khẩu (chủ yếu sang Trung Quốc). Thông tin từ một số doanh nghiệp cho thấy cầu tại Trung Quốc đối với loài gỗ có nguồn gốc từ Châu Phi này có xu hướng giảm.

Thông thường các doanh nghiệp của Việt Nam nhập khẩu gỗ từ Châu Phi đều phải mua gỗ nguyên liệu qua các công ty của Trung Quốc.

7. Những thay đổi ở một số thị trường xuất khẩu

Một số thay đổi có thể gây ra những tác động đối với ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam quan sát thấy ở một số thị trường, bao gồm Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc.

7.1. Hoa Kỳ

Chính sách thúc đẩy sản xuất nội địa của chính phủ Hoa Kỳ và kế hoạch của chính phủ nhằm cân thương mại giữa quốc gia này và các quốc gia khác, bao gồm cả với Trung Quốc có thể có những tác động đến ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Các biện pháp siết chặt kiểm soát hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ, đặc biệt là hàng hóa từ Trung Quốc có thể làm cho việc xuất khẩu đồ gỗ của Trung Quốc vào Hoa Kỳ trở nên khó khăn hơn. Cộng với giá nhân công tại Trung Quốc ngày càng trở nên đắt đỏ, điều này có thể khuyến khích các doanh nghiệp Trung Quốc tiếp tục chuyển hướng đầu tư sang Việt Nam. Sự dịch chuyển này có thể giúp mở rộng sự phát triển của ngành chế biến gỗ trong nước, hoặc /và tạo ra sự cạnh tranh trực tiếp giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp mới của Trung Quốc.

Kiểm soát chặt chẽ sản phẩm gỗ của Trung Quốc nhập khẩu vào Hoa Kỳ có thể tạo ra những cơ hội mở rộng thị trường cho các sản phẩm gỗ của Việt Nam. Các biện pháp kiểm soát trọng tâm vào các sản phẩm từ Trung Quốc có thể tạo ra các khó khăn cho các doanh nghiệp Trung Quốc, làm hạn chế

nguồn cung các sản phẩm gỗ từ nguồn này. Các doanh nghiệp của Việt Nam có cơ hội bù đắp lượng cung thiếu hụt.

Chính phủ Hoa Kỳ tăng cường kiểm soát việc nhập khẩu hàng hóa cũng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến các sản phẩm gỗ của Việt Nam nhập khẩu vào thị trường này. Hàng năm, Việt Nam xuất khẩu một khối lượng sản phẩm gỗ rất lớn vào thị trường này, với giá trị kim ngạch lên tới trên 2,5 tỉ USD. Mặc dù các sản phẩm gỗ xuất khẩu vào Hoa Kỳ thường ít có rủi ro về mặt pháp lý về nguồn gỗ nguyên liệu, rủi ro vẫn tồn tại trong một số sản phẩm xuất khẩu, đặc biệt trong bối cảnh Luật Lacey của quốc gia này với mục tiêu chống sử dụng gỗ bất hợp pháp, đang có hiệu lực (Tô Xuân Phúc và cộng sự 2016a, 2017). Do vậy, siết chặt kiểm soát nhập khẩu hàng hóa vào Hoa Kỳ có thể làm cho các rủi ro tăng cao.

7.2. Nhật Bản

Tháng 5 năm 2016, chính phủ Nhật Bản thông qua Đạo luật về tăng cường phân phối và sử dụng các gỗ khai thác hợp pháp, hay còn gọi là Đạo luật Gỗ sạch (Clean Wood Act). Để thực hiện đạo luật này, chính phủ cần phải ban hành các chính sách và nghị định, nhằm chi tiết hóa các quy định về trách nhiệm giải trình cho các công ty cũng như ban hành khung pháp lý và hệ thống thực thi chính sách và các nghị định này. Bộ Kinh tế, Thương mại và Công nghiệp, Bộ Lâm nghiệp và Bộ Đất đai, Cơ sở hạ tầng, Giao thông và Du lịch trong tháng 3 vừa qua đã đưa ra tham vấn bản thảo của chính sách và nghị định. Tháng 5 năm 2017 chính phủ cũng ban hành các quy định về để thực hiện chính sách và các nghị định này.

Khung pháp lý này có hiệu lực vào tháng 5 năm 2017. Tuy nhiên chính phủ cần phải tiếp tục ban hành các quy định chi tiết hơn, hướng dẫn việc thực hiện và thiết lập hệ thống các cơ quan mới của chính phủ nhằm thực thi khung pháp lý này. Các công ty sản xuất, chế biến và thương mại gỗ hoạt động tại Nhật Bản được yêu cầu thực hiện đăng ký với các cơ quan mới được thành lập của chính phủ, sau đó các công ty cần thực hiện trách nhiệm giải trình đối với các hoạt động của mình. Tuy nhiên, hiện các cơ quan đăng ký của chính phủ chưa thành lập, các yêu cầu có liên quan đến tính pháp lý của sản phẩm gỗ được quy định trong Đạo luật gỗ sạch vẫn chưa được thực hiện. Một số thông tin đưa ra rằng sớm nhất các quy định này được thực hiện là tháng 9 năm 2017. Khi các quy định này được thực hiện, các mặt hàng G & SPG của Việt Nam sẽ phải thực hiện trách nhiệm giải trình. Hiện vẫn chưa rõ các yêu cầu về trách nhiệm giải trình này có giống với các yêu cầu trong Quy định Gỗ hợp pháp của Châu Âu (EUTR) hay không.

Nhật Bản là một trong 3 thị trường lớn nhất của Việt Nam. Cơ cấu giữa nhóm mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ được xuất khẩu vào thị trường này tương đối cân bằng về giá trị kim ngạch, với khoảng 40% là các mặt hàng gỗ và 60% là nhóm sản phẩm gỗ. So với các mặt hàng xuất khẩu vào EU và Hoa Kỳ, các mặt hàng xuất khẩu đi Nhật Bản, đặc biệt là nhóm gỗ nguyên liệu có tiềm ẩn một số rủi ro về tính pháp lý (Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2016b). Khi Đạo luật gỗ sạch của Nhật Bản đi vào hoạt động, với yêu cầu trách nhiệm giải trình được áp dụng với tất cả các doanh nghiệp nhập khẩu của Nhật Bản, các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đi vào thị trường này có thể sẽ gặp khó khăn.

Chính phủ Nhật Bản hiện nay đang đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm phục vụ cho Thế vận hội Olympic vào năm 2020. Việc xây dựng các công trình này làm gia tăng nhu cầu sử dụng các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ. Thời gian vừa qua đã xuất hiện những cáo buộc đối với Ủy ban Olympic của Nhật Bản trong việc sử dụng các loại gỗ có nguồn gốc nhập khẩu là nguyên nhân gây mất rừng và vi phạm nhân quyền.² Mặc dù chính phủ phủ nhận những cáo buộc này, chính phủ cũng đã và đang thực hiện một

² Nhiều nguồn tin đã đưa ra các bằng chứng Chính phủ Nhật Bản sử dụng gỗ gây ra mất rừng và vi phạm nhân quyền để xây dựng cơ sở hạ tầng cho Olympic 2020. Nhiều kiến nghị đã được gửi tới chính phủ Nhật Bản, đòi hỏi chính phủ cần sát sao hơn đối với nguồn gỗ sử dụng cho các công trình hạ tầng, đặc biệt là nguồn gỗ nhập khẩu. <https://www.dezeen.com/2017/05/12/japan-urged-stop-deforestation-linked-wood-kengo-kuma-tokyo-2020-olympic-stadium/>

số biện pháp tăng cường kiểm soát tính pháp lý của các mặt hàng gỗ được nhập khẩu. Điều này có thể có những tác động đến các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam được nhập khẩu vào quốc gia này.

Chính sách sử dụng năng lượng tái tạo của chính phủ Nhật Bản được ban hành trong thời gian gần đây nhằm giảm rủi ro đối với nguồn năng lượng hạt nhân cũng có thể làm tăng cầu tại quốc gia này đối với viên gỗ nén. Mặc dù con số thống kê hải quan của Hải quan Việt Nam chưa thể hiện sự gia tăng đột biến về lượng viên nén xuất khẩu, một số thông tin cho rằng đang có những đánh giá và tìm hiểu thị trường từ các công ty Nhật Bản nhằm mở ra các hướng đầu tư trong việc sản xuất viên nén tại Việt Nam. Trong tương lai, viên nén từ Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản có thể sẽ gia tăng.

7.3. Hàn Quốc

Chính phủ Hàn Quốc cam kết thực hiện việc loại bỏ gỗ bất hợp pháp ra khỏi thị trường này vào năm 2012. Cam kết này thể hiện trong Đạo luật Lâm nghiệp được ban hành trong năm này. Bên cạnh đó, vào tháng 3 năm 2017, cơ quan quản lý lâm nghiệp của Hàn Quốc gần đây thông báo Đạo luật sử dụng gỗ bền vững (Act on the Sustainable Use of Wood) trong đó bao gồm những điều khoản nhằm quản lý việc nhập khẩu các sản phẩm gỗ vào quốc gia này.

Đạo luật sử dụng gỗ bền vững có hiệu lực vào ngày 22 tháng 9 năm 2017, tuy nhiên các điều khoản có liên quan đến các sản phẩm gỗ nhập khẩu sẽ chỉ có hiệu lực bắt đầu từ 22 tháng 3 năm 2018, sau khi đã được chỉnh sửa. Chính phủ Hàn Quốc được kỳ vọng sẽ ban hành một nghị định hướng dẫn việc thực thi các điều khoản này và cung cấp thêm các thông tin có liên quan đến phạm vi của các điều khoản, trong đó bao gồm làm thế nào những nhà nhập khẩu có thể tuân thủ và đưa ra các bằng chứng xác đáng về sự tuân thủ đó trong tương lai.

7.4. Trung Quốc

Lệnh cấm khai thác gỗ từ rừng tự nhiên của Chính phủ Trung Quốc có hiệu lực từ đầu năm 2017 đang và sẽ tiếp tục tác động trực tiếp đến ngành gỗ Việt Nam, đặc biệt ở khía cạnh nguồn cung gỗ nguyên liệu. Lượng gỗ cao su của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng đột biến trong thời gian gần đây có thể là một trong những tác động của lệnh cấm này. Tình trạng cạnh tranh trong thu mua gỗ cao su giữa các doanh nghiệp Việt Nam và giữa doanh nghiệp Việt Nam với các tư thương Trung Quốc đang diễn ra gay gắt, điều này dẫn đến giá gỗ nguyên liệu cao su tăng khoảng 40% từ đầu 2017 đến nay. Có thể trong tương lai, giá gỗ cao su sẽ tiếp tục tăng.

Hiện nay chính phủ Trung Quốc đang cân nhắc khả năng áp dụng cách tiếp cận từng bước (stepwise) trong việc đưa ra các quy định hướng tới việc thiết lập hệ thống kiểm soát gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu, trong đó bao gồm các biện pháp xử phạt đối với các trường hợp vi phạm. Là thị trường khổng lồ cho việc tiêu thụ gỗ và sản phẩm gỗ của thế giới, áp dụng hệ thống kiểm soát này trong tương lai sẽ có tác động đến rất nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam.

8. Kết luận

Nhìn chung, ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam trải qua nửa đầu của năm 2017 tương đối thuận lợi. Các con số về kim ngạch xuất khẩu đạt được từ các thị trường truyền thống trong đầu

http://www.huffingtonpost.com.au/entry/tokyo-olympics-stadium-logging-sarawak_us_59123bc2e4b050bdca6073f4

http://www.marketsforchange.org/media_release_tokyo_2020_olympics_scandal

<https://www.japantimes.co.jp/news/2017/04/21/national/rainforest-wood-breaches-tokyo-green-olympic-vow-activists-say/>

<https://business-humanrights.org/en/japan-high-risk-of-illegal-logging-in-olympic-stadium-construction>

năm như thị trường Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và EU – năm thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam - cho thấy nếu duy trì được đà xuất khẩu như hiện nay, ngành sẽ có thể đạt được con số trên 7 tỉ USD về kim ngạch xuất khẩu.

Tuy nhiên, một số thay đổi tại các thị trường cung gỗ nguyên liệu cho Việt Nam và các thị trường tiêu thụ đồ gỗ của Việt Nam đang và có thể sẽ tiếp tục có những tác động lớn đến ngành chế biến gỗ. Cung gỗ nguyên liệu từ các nước trong Tiểu vùng sông Mê Kông có nhiều biến động, với nguồn cung từ Lào gần như mất hẳn, trong khi nguồn cung từ Campuchia gia tăng đột biến. Nguồn cung gỗ nguyên liệu từ Lào mặc dù có tác động tiêu cực, ít nhất trong ngắn hạn tới các làng nghề, các công ty trực tiếp tham gia nhập khẩu và công ty xuất khẩu sản phẩm được làm từ nguồn gỗ này qua Trung Quốc, giảm cung từ nguồn này giúp nâng cao hình ảnh ngành chế biến gỗ của Việt Nam trong việc loại bỏ nguồn gỗ có rủi ro cao. Tuy nhiên, gia tăng đột biến về lượng nhập khẩu từ Campuchia lại có tác động ngược lại, làm mất đi các hình ảnh tích cực của ngành gỗ Việt Nam.

Tại các thị trường xuất khẩu, có những tín hiệu cho thấy sẽ có những thay đổi trong chính sách của chính phủ nhằm quản lý chặt chẽ hơn các mặt hàng gỗ nhập khẩu. Tín hiệu rõ ràng nhất có thể thấy ở thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản, là hai trong số năm thị trường tiêu thụ các mặt hàng gỗ lớn nhất của Việt Nam. Nếu theo đúng lộ trình của chính phủ Hàn Quốc, cuối 2017 các nhà nhập khẩu Hàn Quốc bắt đầu phải thực hiện trách nhiệm giải trình. Tiến trình tương tự sẽ được diễn ra tại Nhật Bản, tuy nhiên với thời gian muộn hơn (2018). Thực hiện các quy định này sẽ có thể tác động trực tiếp đến tình hình xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường này.

Tăng cường cơ hội, giảm thiểu rủi ro là chiến lược phát triển lâu dài cho mỗi doanh nghiệp và cả ngành gỗ của Việt Nam trong tương lai. Chính phủ Việt Nam tham gia kí kết FLEGT VPA đã thể hiện cam kết trong việc thực hiện chiến lược này cấp quốc gia, với các cam kết sẽ được chuyển tải thành các cơ chế chính sách cụ thể được áp dụng tại mỗi doanh nghiệp. Loại bỏ nguồn gỗ nguyên liệu rủi ro cao có nguồn gốc từ nhập khẩu, thay thế bởi các nguồn gỗ nguyên liệu 'sạch' là nhu cầu cấp bách. Điều này không những nhằm đáp ứng với các yêu cầu hiện nay từ các thị trường xuất khẩu quan trọng truyền thống của Việt Nam mà còn góp phần chuẩn bị sẵn sàng cho ngành gỗ Việt Nam trong việc đáp ứng với các yêu cầu mới tại các thị trường như Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc trong tương lai. Để làm điều điều này cần có sự cam kết mạnh mẽ của cộng đồng doanh nghiệp và cơ chế kiểm soát chặt chẽ của cơ quan quản lý cấp trung ương và địa phương.

Tài liệu tham khảo

Tô Xuân Phúc, Nguyễn Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Thùy Dung, 2017. Một số rủi ro chính của ngành chế biến gỗ xuất khẩu trong bối cảnh hội nhập: Thực trạng và Giải pháp chính sách.

Tô Xuân Phúc, Nguyễn Tôn Quyền, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm và Huỳnh Văn Hạnh, 2017. Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu 2016.

Tô Xuân Phúc, Nguyễn Tôn Quyền, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm và Huỳnh Văn Hạnh, 2016. Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu 2016.

Tô Xuân Phúc, Nguyễn Tôn Quyền, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm và Huỳnh Văn Hạnh, 2016. Thương mại gỗ Việt Nam – Nhật Bản.

Phụ lục

Phụ lục 1. Mười thị trường tiêu thụ G & SPG lớn nhất của Việt Nam về kim ngạch năm 2016

Thị trường	Trị giá (USD)	Tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu (%)
Mỹ	2,711,280,551	39.88%
China	1,026,144,279	15.09%
Japan	961,430,075	14.14%
EU	720,560,443	10.60%
Korea (Republic)	579,358,898	8.52%
Australia	161,345,209	2.37%
Canada	130,568,761	1.92%
Taiwan	64,310,830	0.95%
India	49,453,477	0.73%
Malaysia	44,530,085	0.65%
HongKong	33,142,444	0.49%
Các thị trường khác	316,939,679	4.66%
Tổng GT XK G &SPG cả năm	6,799,064,732	

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Phụ lục 2. 10 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam về kim ngạch 6 tháng đầu 2017

Thị trường	Trị giá (USD)	Tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu (%)
Mỹ	1,451,600,095	40.7%
Australia	68,216,659	1.9%
Canada	72,619,745	2.0%
China	554,013,841	15.5%
EU	379,898,189	10.6%
India	27,509,422	0.8%
Japan	484,817,940	13.6%
Korea (Republic)	310,784,043	8.7%
Malaysia	24,646,689	0.7%
Taiwan	27,910,196	0.8%
United Arab Emirates	11,999,548	0.3%
Các thị trường khác	156,536,310	4.4%
Tổng GT XK 6 tháng năm 2017	3,570,552,678	

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Phụ lục 3. Danh sách 10 nguồn cung gỗ tròn lớn nhất cho Việt Nam về kim ngạch năm 2016

Thị trường	Tri giá	Tỷ lệ (%)
Châu Phi	266,636,416	49.6%
EU	59,309,311	11.0%
United States of America	33,692,996	6.3%
Malaysia	33,086,323	6.2%
Cambodia	32,860,649	6.1%
China	30,503,171	5.7%
Papua New Guinea	29,368,073	5.5%
UruGuay	11,531,830	2.1%
Laos	9,590,679	1.8%
Solomon Islands	9,288,957	1.7%
Các nước khác	21,458,205	4.0%
Tổng giá trị NK gỗ tròn từ 10 thị trường	515,868,405	
Tổng giá trị NK gỗ tròn từ các thị trường	537,326,610	

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam

Phụ lục 4. Danh sách 10 nguồn cung gỗ xẻ lớn nhất trong Việt Nam năm 2016.

Thị trường	Tri giá	Tỷ lệ (%)
United States of America	173,856,663	23.2%
Cambodia	148,251,050	19.8%
Châu Phi	87,266,576	11.7%
EU	81,168,097	10.8%
Laos	63,677,885	8.5%
Chile	45,333,388	6.1%
New Zealand	41,915,870	5.6%
Brazil	26,243,434	3.5%
Colombia	17,795,853	2.4%
Malaysia	10,029,759	1.3%
Tổng giá trị NK gỗ xẻ từ 10 thị trường	695,538,577	
Tổng giá trị NK gỗ xẻ từ các thị trường	749,006,221	

Nguồn: Phân tích của VIFORES, FPA BD, HAWA và FOREST TRENDS từ số liệu Hải quan Việt Nam